

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

HỆ THỐNG CHƯƠNG TRÌNH PCI PABX CHO KHÁCH SẠN & OFFICE

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chương trình PCI PABX	5
2. Tính năng chương trình	6
3. Màn hình chính	7
3.1. Màn hình chính (Anh).....	7
3.2. Màn hình chính (Việt).....	7
4. Bảng giá cước	8
4.1. Phương pháp tính cước cuộc gọi.....	8
4.2. Bảng hướng gọi.....	8
4.3. Khai báo trung kế nối vào đường ADSL.....	9
4.4. Danh sách đặc biệt:.....	12
5. Đặt thông số cho hệ thống	14
5.1. Trang thông số chung.....	14
5.2. Trang kết nối server.....	15
5.3. Trang tổng đài: cài đặt các thông số liên quan tổng đài.....	15
6. Tỷ giá	16
7. Cài đặt cột thông tin cuộc gọi	17
8. Cài đặt thông số cổng kết nối tổng đài	18
8.1. Qua cổng COM.....	18
7.2. Qua cổng TCP/IP.....	18
7.3. Qua FTP.....	18
9. Danh bạ điện thoại	20
9.1. Danh bạ.....	20
9.2. Tự động cập nhật danh bạ nội bộ.....	21
9.3. Khai báo địa chỉ email và nhóm báo cáo qua email.....	22
10. In hoá đơn chi tiết theo máy điện thoại, Account code, group, Trung kế	23
10.1. Theo máy nhánh.....	23

10.2. Theo trung kế	24
10.3. Theo thống kê	24
10.4. Theo nhóm	25
11. Sửa dạng báo cáo	30
12. Tạo invoice cho khách và nhân viên	31
13. Báo cáo dạng đồ thị	32
14. Tính lại cước.....	34
15. Danh sách tổng hợp cuộc gọi cho các máy	35
15.1. Tổng cuộc gọi	35
15.2. Báo cáo chọn từ danh bạ	36
16. Khai báo thông số cho tác vụ mail	38
16.1. Cài đặt thông số mail	38
16.2. Cách khai báo trong Outlook Express.....	41
17. Kết nối với hệ thống ghi âm.....	45
18. Registry chương trình	50
18.1. Key demo	50
18.2. Key chính thức cho bất kỳ PC nào	50
18.3. Key chính thức cho 1 PC	50
19. Giúp đỡ	51
20. Bảo mật.....	52
20.1. Logon hệ thống	52
20.2. Tạo người dùng mới	53
20. Lưu trữ dữ liệu cước	54
20.1. Backup dữ liệu	54
20.2. Load dữ liệu backup	54
21. Các chức năng PMS: (Sử dụng cho các loại tổng đài có chức năng PMS).....	55
21.1. Chức năng.....	55
21.2. Giao thức giữa chương trình font office và PMS & CDR	55
21.3. Thao tác trên chương trình PMS_CDR các chức năng PMS.....	56
21.4. Xem Logfile báo thức.....	59
22. Các chức năng khách sạn:	60
22.1. Check in khách.....	60
22.2. Vào các chi phí khác cho khách ở :	61

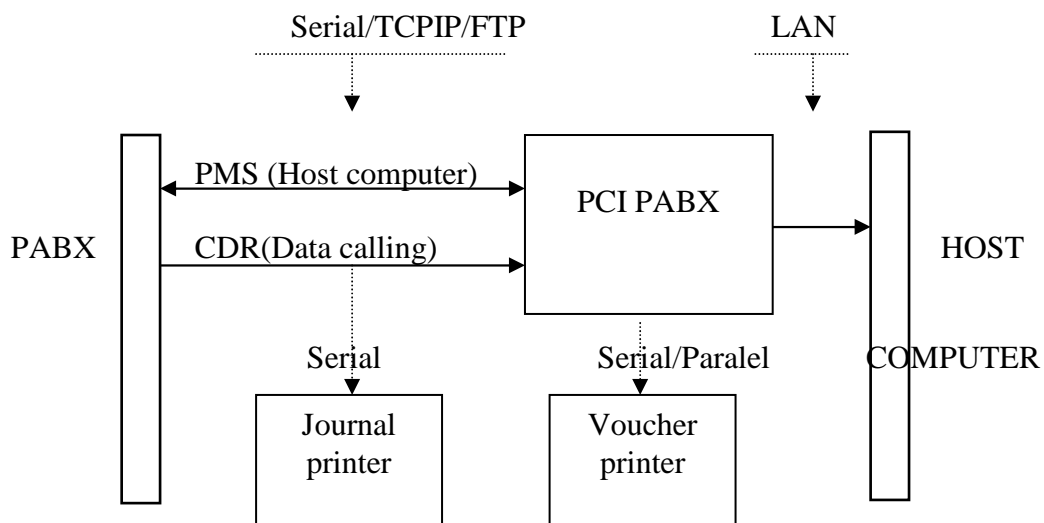
	Tài liệu hướng dẫn chương trình CDR	Version : 18.0 Ngày : 01/10/2010
--	-------------------------------------	-------------------------------------

22.3. *Check out khách* : 61

1. Giới thiệu chương trình PCI PABX

Hiện nay các tổng đài PABX cho các khách sạn và các office không còn là một hệ thống hoạt động đơn lẻ, cũng như không chỉ đơn thuần phục vụ gọi đi, gọi đến mà còn có nhiều tính năng, dịch vụ tiện lợi khác.

Các dịch vụ này sẽ phát huy mạnh mẽ khi được kết nối với mạng vi tính của khách sạn, office.



PABX : các loại tổng đài Acatel, Philip sopho, NT SL-1, AT&T, Siement Nisuko, Opus, Panasonic, Ky, Erisson, v.v....

Host computer : Novell, Windows, v.v....

PMS : Property Management System

Journal printer : in tức thời thông tin cuộc gọi CDR (call detail recording) (thông tin nguyên thủy chưa xử lý để dự phòng).

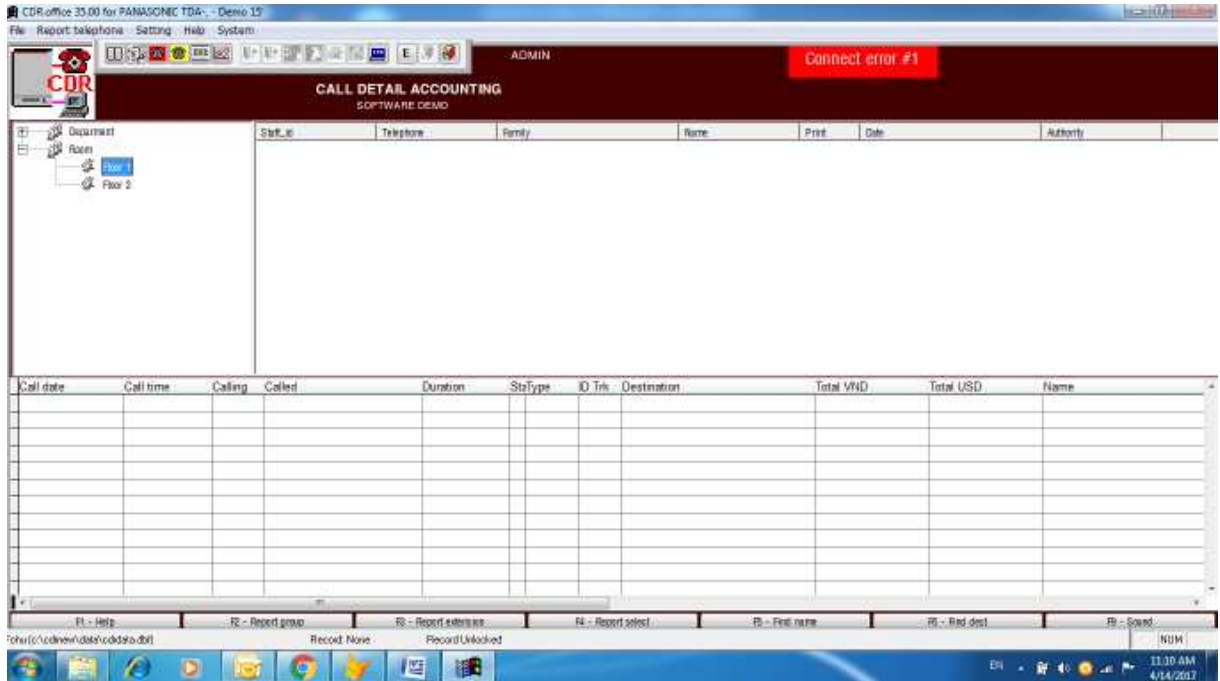
Voucher printer : Thông tin một cuộc gọi đã tính tiền và công nhận.

2. Tính năng chương trình :

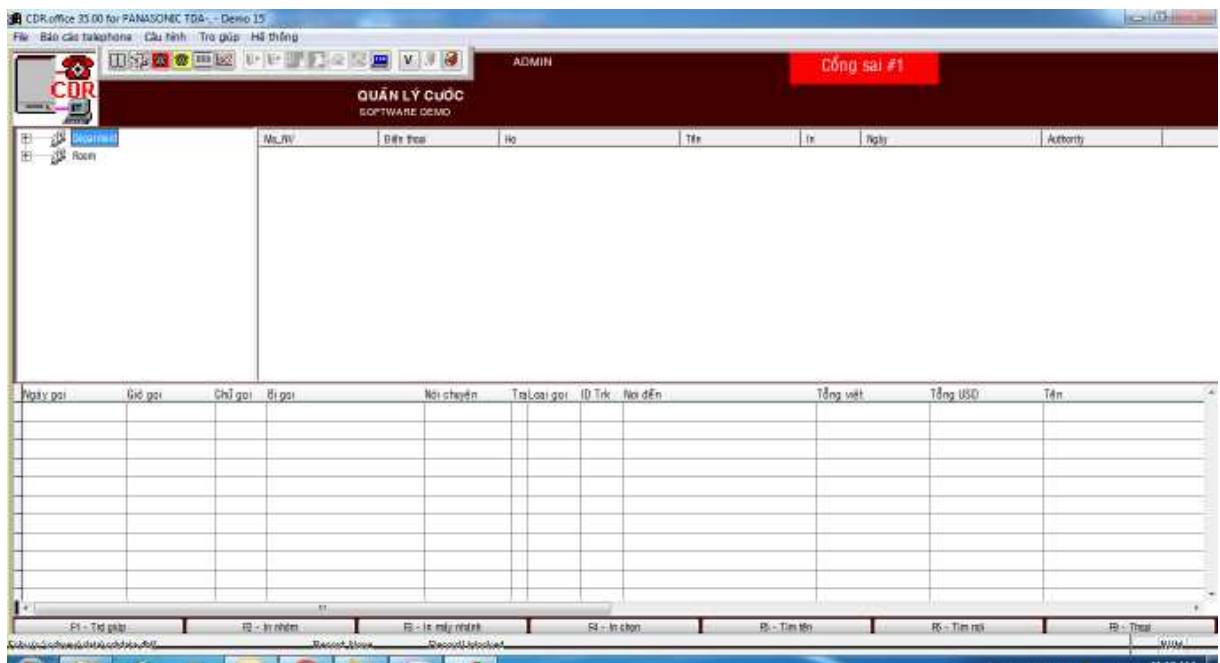
- Hệ thống nhận số từ cổng COM, TCP/IP, File, FTP của tổng đài, các thông tin của cuộc gọi như máy chủ gọi, ngày giờ gọi, số máy bị gọi, thời gian nói chuyện, account code nhận được từ tổng đài sẽ được dùng để tính cước điện thoại và được lưu trữ trên máy tính.
- Data được lưu tới đĩa local và lưu trên máy server.
- Quản lý giá cước điện thoại của VNPT, 171,178,179,177.... theo loại gọi (đường dài, quốc tế, di động, dịch vụ,...), theo vùng cước. Giá vừa tiền Việt vừa ngoại tệ. Có thể khai báo thêm, điều chỉnh giá, tăng giá theo phần trăm của từng loại gọi cho các nhóm máy (4 nhóm).
- Tính lại cước khi sửa đổi giá cước trê.
- In các báo cáo, các hoá đơn cho từng máy hay nhóm máy theo một khoản thời gian mong muốn. Số liệu có thể kết xuất ra file HTML, EXEL, DBF. Tiền cước sẽ qui về tiền Việt.
- Phân bổ cước hàng tháng cho mỗi extentions.
- In báo cáo theo trung kế, theo account, truy tìm số máy bị gọi.
- Quản lý danh bạ các máy nội bộ trong tổng đài. Khai báo account code.
- Lưu trữ các số liệu thô của tổng đài, nhập số liệu cước từ file cước thô.
- Kiểm tra Online data từ tổng đài.
- Các cột số liệu có thể cài đặt lại.
- Tỉ giá ngoại tệ.
- Có kết nối với hệ thống mail để báo cáo tự động qua mail.
- Bảo mật :Có bốn mức truy nhập hệ thống bằng password, phân quyền khai thác chương trình.
- Phần mềm dùng đồng thời tiếng Anh và tiếng Việt.
- Các chức năng dùng bằng menu hay phím tắt.
- Có thể chạy chung phần mềm cùng các software khác trên một máy.
- Chương trình có thể chạy trên Win9X, Windows 2000, Windows NT,...

3. Màn hình chính:

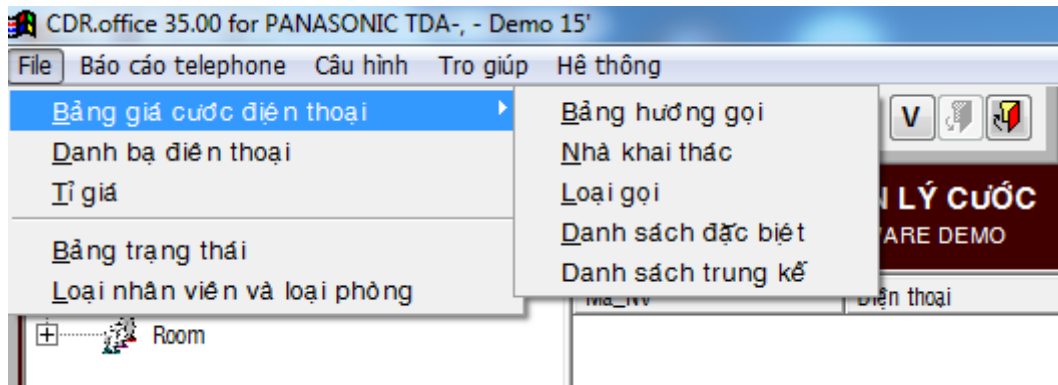
3.1. Màn hình chính (Anh):



3.2. Màn hình chính (Việt):



4. Bảng giá cước :



4.1. Phương pháp tính cước cuộc gọi:

- Số liệu nhận được từ tổng đài : ngày gọi, giờ gọi, thời gian nói chuyện, số chủ gọi, số bị gọi, mã authority.
- Từ số bị gọi, bảng nhà khai thác và bảng giá hướng gọi sẽ tìm được nơi đến, nhà khai thác được dùng, và từ ngày gọi sẽ tìm được vùng cước tùy theo loại ngày (lễ, chủ nhật, ngày thường) và loại gọi.
- Từ bảng vùng cước và thời gian nói chuyện, cước cuộc gọi sẽ tính như sau :

Tổng giây = giờ x 3600 + phút * 60 + giây

Giá P&T = giá đơn vị đầu

if tổng giây > đơn vị thời gian đầu

Giá P&T = giá P&T + ((tổng giây - đơn vị thời gian đầu)/đơn vị thời gian kế) x giá đơn vị kế

if MODULA(tổng giây - đơn vị thời gian đầu, đơn vị thời gian kế) <> 0

giá P&T = giá P&T + giá đơn vị kế

endif

endif

- Ghi dữ liệu vào mẫu tin mới
- Từ mã authority (nếu có dùng) và danh bạ điện thoại sẽ tìm được tên người gọi, số điện thoại của mã authority, nhóm tăng giá. Ghi tên và số điện thoại của mã authority tới mẫu tin.
- Nếu bạn không sử dụng mã authority, từ số chủ gọi và danh bạ điện thoại sẽ được tên người gọi, nhóm tăng giá. Ghi tới mẫu tin.
- Từ loại gọi in bảng loại gọi và nhóm tăng giá sẽ tìm được cột tăng giá (có 4 nhóm tăng giá), Từ đây TAX = giá P&T x tăng giá(%)
- Từ thông số VAT(%), bạn có VAT

$$VAT = (\text{giá P\&T} + TAX) \times \text{Vat}(\%)$$
- Tổng cước gọi:

$$\text{Cước gọi} = \text{giá P\&T} + TAX + VAT$$
- Ghi tới mẫu tin

4.2. Bảng hướng gọi:

Tên cột :

- Hướng gọi : 10 số
 - Ví dụ : 078,0781,001,00123 v.v...
- Nơi đến : Tỉnh, nước gọi đến
- Loại gọi : Loại của cuộc gọi
- Hướng/loại : * Xem : vào mã số gọi để tìm (bao gồm prefix code)
- Sửa và thêm : Vào mã mới hay
- Loại gọi (IDD,STD,...) : cập nhật giá cho những mã cùng loại gọi
- XXXXXXXX -YYYYYYYY : cập nhật giá cho các mã từ XXXXXXXX tới YYYYYYYY
- Operator : chọn nhà khai thác VNPT, Viettel, VDC, SGPostel
- Tên vùng : Tên của vùng cước. Nếu bạn muốn thêm vùng mới, bạn vào tên vùng mới, chương trình sẽ thêm một vùng mới
- Lễ : Giá cước ngày lễ của hướng gọi này.
- Chủ nhật : Giá cước ngày chủ nhật của hướng gọi này.
- Ngày thường : Giá cước ngày thường của hướng gọi này.

Sửa giá hướng gọi: nhấn nút Sửa .

Thêm hướng gọi : nhấn nút 'Thêm'

Ví dụ :

Bạn quay số "00689XXXXX" trong thứ hai tới thứ sáu : mã "00689" là FRENCH POLYNESI

Nếu bạn gọi sau 23 giờ hay trước 7 giờ : giá phút đầu là 1.84 Usd và các block kế tiếp (6 giây) là 0.18 Usd

Nếu bạn gọi từ 7 giờ tới 23 giờ : giá phút đầu là 2.30 Usd và các block kế tiếp (6 giây) là 0.23 Usd

Bảng giá cước VNPT

Hướng	Nơi đến
1260	INTERNET VNN
120	COLEC CALL
12	INTERNET
110	COLECCALL
1088	CONSULT SERVICE
1080	SERVICE 108
108	SERVICE 108
107	PAGER VN
106	PAGER SERVICE VN
105	PAGER VN
1	LOCAL CALL
099	BEE LINE
098	VIETTEL DD
097	VIETTEL DD
096	DD DIEN LUC
095	SFONE
094	VINAPHONE
093	MOBILE PHONE
092	VIET NAM MOBILE
091	Vina Phone
090	GSMHCM
080980	T78
08094	CP16
0808	T78
0804	CP16

Hướng/Loại : 093 Loại gọi : GSM

Nơi đến : MOBILE PHONE Minimum : 10

Operator : VN P&T Maximum : 10

Tên vùng : MOBI PHONE Loại tiền : V

Ngày thường Ngày chủ nhật Ngày lễ

Đơn vị thời gian đầu : 6 Đơn vị thời gian kế : 1

Giờ bắt đầu tính	Giá đơn vị đầu	Giá đơn vị kế
0	80.0000	13.3300
1	56.0000	9.3310
5	80.0000	13.3300
24	0.0000	0.0000
24	0.0000	0.0000

Sửa chữa Thêm

4.3. Khai báo trung kế nối vào đường ADSL:

Code	Operator	Prefix	Sub digits	Insert digits	Zone	Remark	Holiday operator
VNPT	VN P&T		0		VNPT		
VDC	VDC	171	3		VNPT		
SGPT	SAIGON POSTEL	177	3		VNPT		
VITE	VITEL	178	3		VNPT		
EVN	DIEN LUC	179	3		VNPT		
HNT	HA NOI TELECOM	172	3		VNPT		
VSH	VSHIP SAIGON	175	3		VNPT		
ADSL	ADSL	A	1		VNPT		

Khai báo dòng ADSL như trên. Khi tính cước chương trình sẽ thấy cuộc gọi bắt đầu bằng A sẽ biết là cuộc gọi qua ADSL. Chương trình sẽ trừ và thêm số (như trên sẽ bỏ chữ A) và sau đó vào bảng hướng gọi để tìm hướng và tính tiền ứng với operator là ADSL.

Bước 3 khai báo giá cước: Vào File->Cost telephone->Table dial code

Code dial	Destination
001306	CANADA
001268	ANTIGUA BARBUDA
001264	ANGUILLA
001250	CANADA
001246	BARBADOS
001242	BAHAMAS
0012284	BRITISH VIRGIN ISL
001209	MIDWAY ISL
001204	CANADA
001	USA

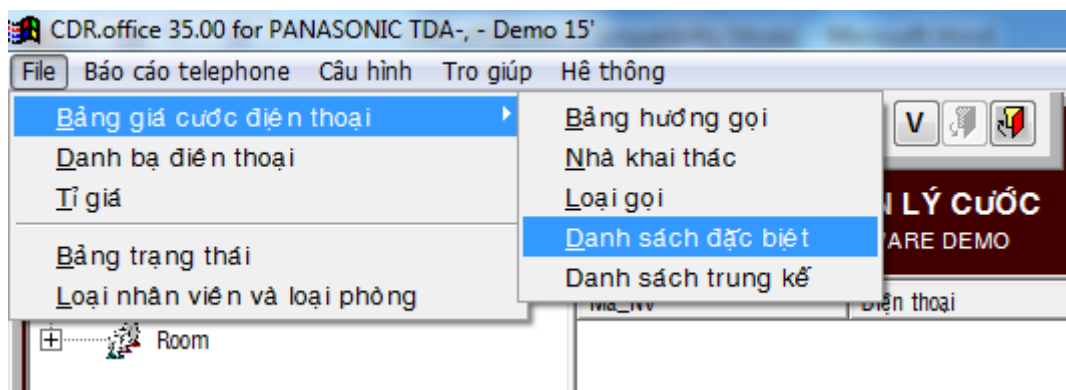
Dial/Type : 001306 Call type : IDD
 Destination : CANADA Minimum : 6
 Operator : ADSL Maximum : 20
 Name zone : ADSL 1 Money : V

Normal day	Sunday	Holiday
Frist unit time : 60	Next unit time : 60	
Hour start	Frist price	Next price
0	384.000	384.000
24	0.000	0.000
24	0.000	0.000
24	0.000	0.000
24	0.000	0.000

Ví dụ khai báo cho hướng Canada gọi qua ADSL như trên. Để thêm vùng cước mới thì nhấn modify, sau đó nhập name zone đánh tên vùng cước mới và Enter.

4.4. Danh sách đặc biệt:

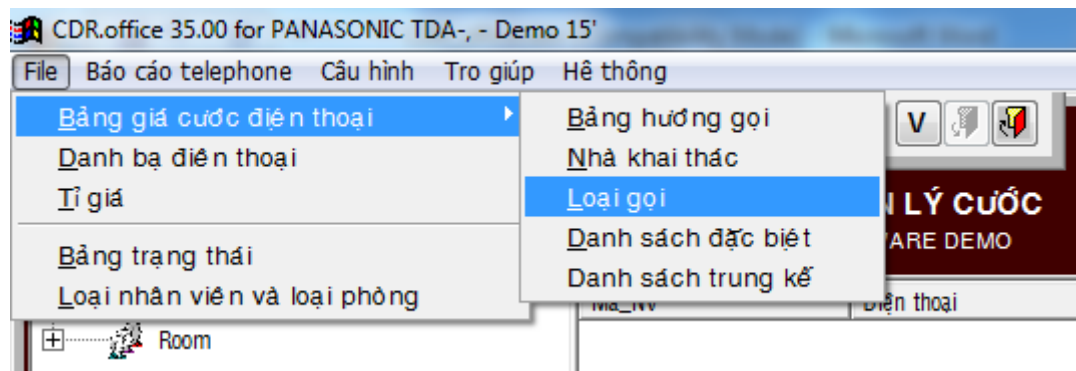
Danh sách số điện thoại của nhân viên, khách hàng, đối tác, số đặc biệt,... Hệ thống sẽ ghi nơi đến tương ứng với tên của số điện thoại này trên số liệu cước. Có thể thống kê riêng các cuộc gọi tới danh sách này.



The screenshot shows the 'Danh sách đặc biệt' (Special List) window. It contains a table with the following columns: 'Số điện thoại' (Phone Number), 'Tên' (Name), 'Loại' (Type), 'Ghi chú' (Notes), 'Giám 1' (Supervisor 1), 'Giám 2' (Supervisor 2), 'Giám 3' (Supervisor 3), and 'Giám 4' (Supervisor 4). The table is currently empty. At the bottom of the window, there are navigation buttons (back, forward, search, etc.) and two buttons: 'Export to Exel' and 'Import from Exel'.

4.5. Loại gọi:

Khai báo tăng giá cho từng loại gọi, gộp nhóm loại gọi trên báo cáo tóm tắt, ghi số liệu lên server, in tức thời,...

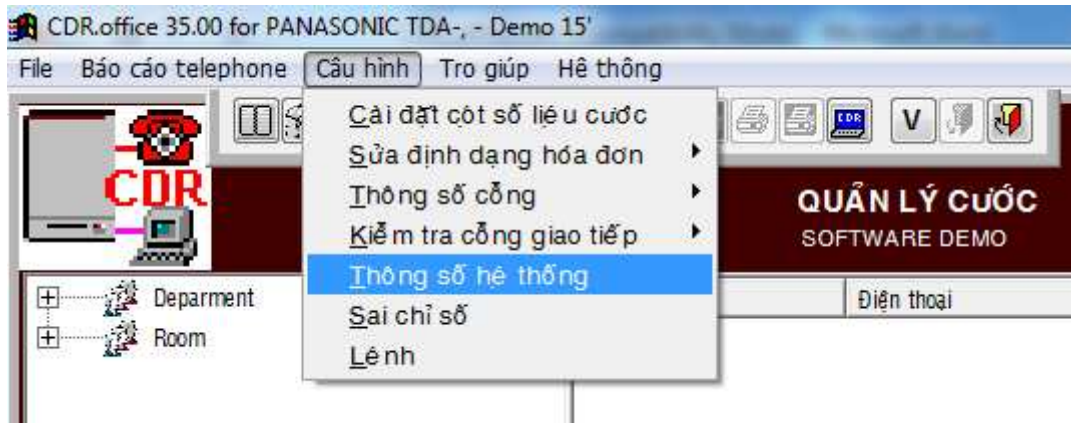


Lo'i gäi

Tên loại gọi	Mã gọi	Profit 1	Profit 2	Profit 3	Profit 4	Flag	G_Print	S_1	S_2	P_1	P_2
Thành phố	LOC	0	0			0	0	<input checked="" type="checkbox"/>			
108	108	0				0	0	<input checked="" type="checkbox"/>			
Dịch vụ	SER	0	0			0	1	<input checked="" type="checkbox"/>			
Voice link	VLI	0	0			0	1	<input checked="" type="checkbox"/>			
Huyện	SUB	0	0			0	2	<input checked="" type="checkbox"/>			
Gọi nội bộ	CIN	0				0	0	<input checked="" type="checkbox"/>			
VINA FONE	VNF	0	0			0	4	<input checked="" type="checkbox"/>			
MOBI FONE	GSM	0	0			0	5	<input checked="" type="checkbox"/>			
SFONE	SFO	0	0			0	6	<input checked="" type="checkbox"/>			
IPASS	IPA	0	0			0	6	<input checked="" type="checkbox"/>			
Di động Viettel	VFO	0				0	6	<input checked="" type="checkbox"/>			
Nhắn tin	PAG	0	0			0	8	<input checked="" type="checkbox"/>			

Navigation icons: Previous, Next, Add (Thêm), Delete, Refresh, Print.

5. Đặt thông số cho hệ thống :



Setting system parameter

5.1. Trang thông số chung:

Thông số chung		Tính nội hạt	Sever	Tổng đài	Vùng cước	Mail	Kết nối ghi âm
LOG không tính (p)	0			Ngày lễ (DD/MM):	01/01,02/09,30/04		
Thuế VAT (%)	10			Chuyển			
Nhóm tăng defa	1			DISA	,5,6,		
Ngôn ngữ	Vietnam			Tính			VNPT
VAT	VAT			Tiền chính	VND	Tiền viết tắt	V
Có tính giảm giá ngày :	<input type="checkbox"/>			Loại tiền trả	V	Thêm danh bạ tự động	<input type="checkbox"/>
Có tính giảm giá giờ	<input type="checkbox"/>			Số ngày xem :	1	Giờ checkin 1	0
Giảm giá ngày thứ bảy	<input type="checkbox"/>			Số lễ thập phân	0	Giờ checkin 2	0
				Số lễ USD	2	Giờ checkout nửa ngày	12
						Giờ checkout một ngày	12

1. Nhóm tăng giá default nếu không tìm thấy máy hay authoury code trên danh bạ.
2. Khai báo số ngày xem số liệu củ trên màn hình chính.
3. Khai báo có tính cước giảm giá theo ngày lễ và chủ nhật không.
4. Khai báo có tính cước giảm giá theo giờ.
5. Chọn bảng giá của tỉnh cần tính.
6. Phụ trội : cho phép in phụ trội cho việc tính bill, khai báo số phút khoán,số tiền khoán,tiền / phút phụ trội.
7. Khai báo loại tiền chính (loại tiền hệ thống sẽ qui về khi tính)

5.2. Trang kết nối server:

Cai dat thong so

Thông số chung | Tinh nội hạt | **Sever** | Tổng đài | Vùng cước | Mail | Kết nối ghi âm

Server CDR : CUOC

Server PMS gửi : PMS/PMSSEND.DBF

Server PMS nhận : PMS/PMSRV.DBF

Server PMS wake up : PMS/WAKEUPSV.DBF

No bill : 1

IP Local: 192.168.0.19

Port Local: 6000

IP Sever: 192.168.0.19

Port Server: 6001

Open TCP (minite):

Directory FTP: /

Time FTP: 00_00

User FTP: sa

Password FTP: sa

Buttons: ? OK ↵

5.3. Trang tổng đài: cài đặt các thông số liên quan tổng đài:

Cai dat thong so

Thông số chung | Tinh nội hạt | Sever | **Tổng đài** | Vùng cước | Mail | Kết nối ghi âm

Lưu dữ liệu tổng đài

Lưu dữ liệu không dùng

Âm thanh

Âm thanh cuộc gọi

Cắt số bị gọi cho đúng

Bỏ *,# ở cuối số bị gọi

Bỏ cuộc gọi thiếu số

Chuyển gọi tính máy đầu (Nortel)

Có đảo cực (Phillip D120,IS80)

In tức thời mặc định

In tức thời 1 đồng

Xử lý cuộc gọi trùng

DD/MM/YY

Code tổng đài : 999

Không tính cuộc gọi < : 0

Thêm giấy : 0

Type in online : 1

Đầu số ATT : 999

In invoice nhóm in của loại gọi >= : 0

Số lần gửi lại : 3

Thời gian đợi trả lời (dv 5 giây): 2

Thời gian thử kết nối (dv 5 giây): 150

Buttons: ? OK ↵

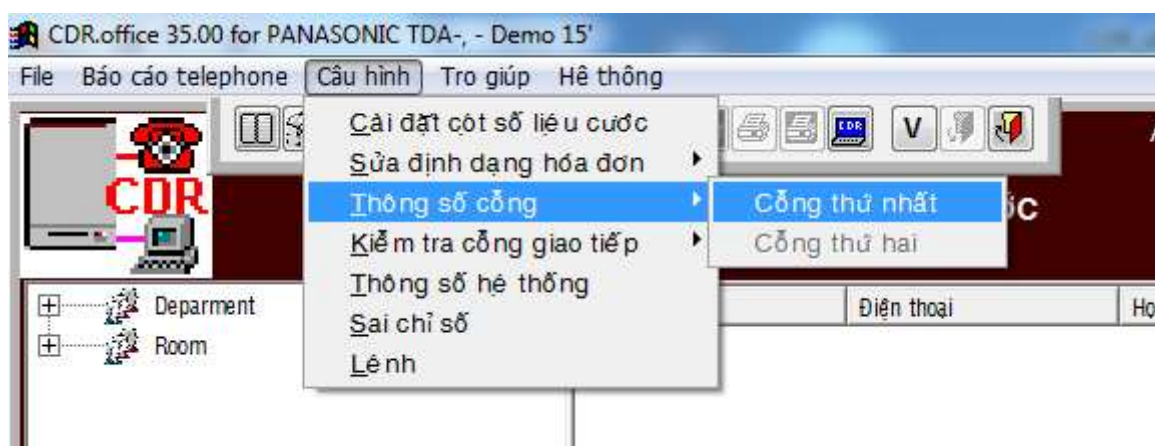
7. Cài đặt cột thông tin cuộc gọi:

Điều chỉnh thứ tự và bề rộng cột

Tên cột	Thứ tự	Chiều rộng
Số bill	0	6
Ngày gọi	2	12
Giờ gọi	2	10
Chữ gọi	3	6
Bí gọi	4	18
Nói chuyện	5	10
Loại gọi	6	6
Nơi đến	7	22
Tổng viết	8	13
TAX	0	13
VAT	0	13
Phụ điện	0	13

Thứ tự: vị trí cột trên màn hình chính, bằng 0 là không hiện cột này.
Chiều rộng: bề rộng cột trên màn hình chính

8. Cài đặt thông số công kết nối tổng đài:



8.1. Qua cổng COM:



8.2. Qua cổng TCP/IP:

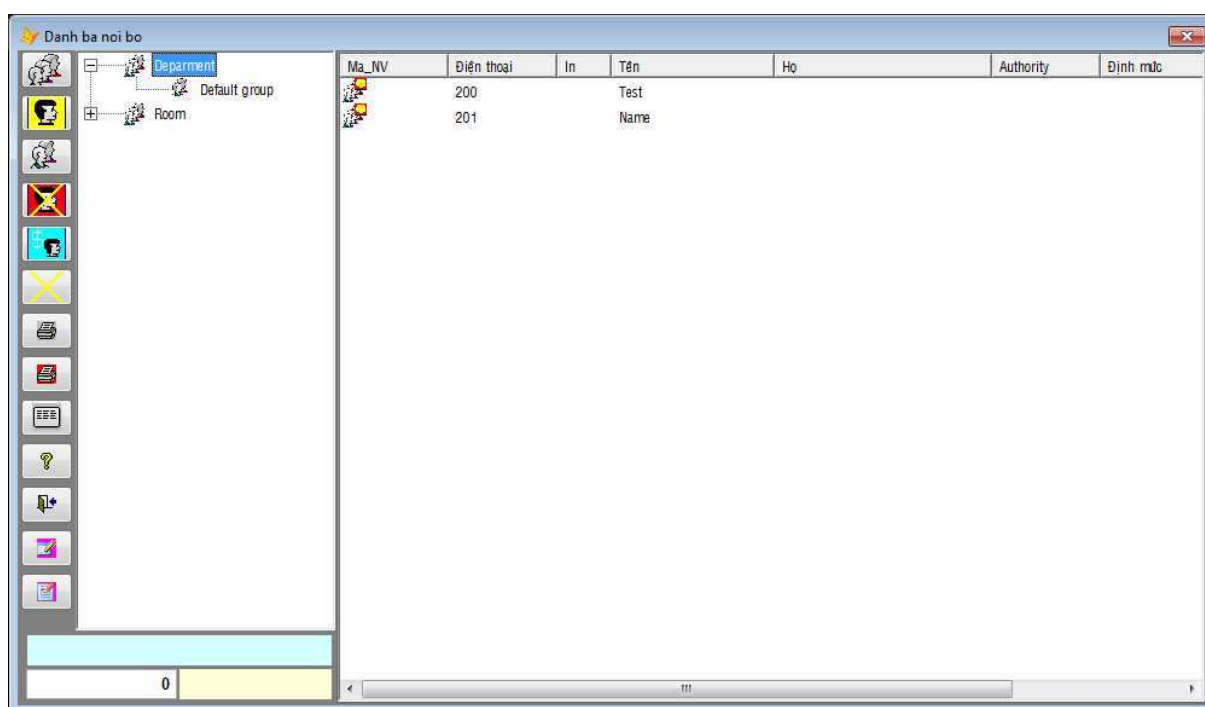


8.3. Qua FTP:



9. Danh bạ điện thoại:

9.1. Danh bạ :



- Bạn có thể thêm hay xoá phòng và nhân viên trong các bộ phận, tầng lầu bởi sử dụng thanh công cụ của danh bạ.
- Bạn có thể di chuyển nhân viên hay bộ phận tới bộ phận hay công ty khác bởi nhấn phím trái và di chuyển chuột trên bộ phận khác
- Bạn có thể xoá nhân viên, mẫu tin bởi nhấn nút "DELETE"
- Khi chọn nhóm con, ở góc dưới bên trái sẽ hiện số tiền đã khoán cho nhóm (ô trắng), tổng số tiền đã phân bố cho các máy trong nhóm và số máy trong nhóm (ô màu vàng).
- Mỗi nhân viên hay phòng có những tin tức sau :
 1. Tên : tên của nhân viên hay khách
 2. Họ : họ của nhân viên hay khách
 3. Điện thoại : điện thoại của nhân viên hay khách

4. Authority : mã cho phép gọi ra. Chỉ ADMIN có thể sửa mã authority. Người dùng khác không thể nhìn thấy mã này.
 5. Ngày dùng : Ngày bắt đầu sử dụng. Nếu bạn là người dùng có mức thấp hơn ADMIN và chọn nhân viên hay phòng trong danh sách, bạn sẽ cập nhật ngày dùng cho toàn bộ các nhân viên và phòng được chọn
 6. Phụ trội : Nhóm phụ trội của nhân viên hay phòng (giá trị 1,2,3). Nhìn thông số hệ thống
 7. Nhóm tăng giá : Nhóm tăng giá của nhân viên hay phòng (giá trị 1,2,3,4) . Nhìn loại gọi
 8. In tức thời : Nhóm in tức thời (giá trị 1,2). Nhìn loại gọi
 9. Nhóm in server : Nhóm ghi server (giá trị 1,2) . Nhìn loại gọi
 10. Loại : nhìn bảng loại phòng
 11. Trạng thái : nhìn bảng loại trạng thái phòng
- Authority, Phụ trội, Nhóm tăng giá, In tức thời, chỉ được ghi và thay đổi bởi ADMIN.

9.2. Tự động cập nhật danh bạ nội bộ:

Khi chương trình nhận cước từ tổng đài sẽ tính cước và đồng thời kiểm tra máy này đã có trong danh bạ chưa. Nếu chưa có, chương trình sẽ tự động thêm vào danh bạ nội bộ như sau:

- Cuộc gọi dùng mã: thêm vào danh bạ máy mới có số điện thoại là 999 và mã là mã vừa nhận, tên là “không tên”.
- Cuộc gọi không dùng mã: thêm vào danh bạ máy mới có số điện thoại vừa nhận và mã là trống, tên là “không tên”.

Máy mới được thêm vào nhóm đầu tiên trong danh bạ nếu version Office (Nhóm Technical), vào nhóm thứ hai nếu là version Hotel (Floor 1).

Bạn có thể vào File -> Danh bạ nội bộ để khai báo lại tên và số điện thoại, di chuyển máy này sang nhóm khác dùng thao tác kéo thả.

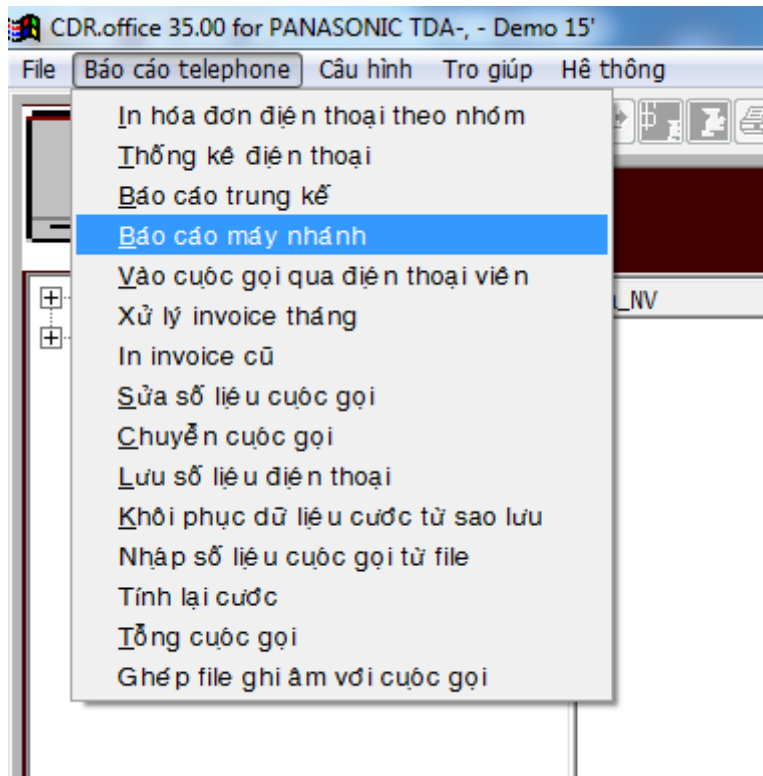
Mã_NV	Điện th...	In	Tên
SL	999		No nam
SL	999		No nam
SL			No nam
SL	100	100	No nam
SL	101	101	CXVCXC

Để hệ thống tự động thêm vào danh bạ nội bộ thì phải cho phép trong mục “Thêm danh bạ tự động” (Bạn vào Cài đặt -> Thông số hệ thống)

9.3. Khai báo địa chỉ email và nhóm báo cáo qua email:

Bạn vào danh bạ nội bộ và khai báo chi tiết cho một máy như sau:

- Nới mục mail bạn sẽ vào nhóm mail và địa chỉ email của máy này.
- Tùy theo đặc tính của nhóm mail mà chương trình sẽ gửi mail các cuộc gọi tức thời
- Khai báo có báo cáo tự động hàng tháng cho chủ máy này qua email.

10. In hoá đơn chi tiết theo máy điện thoại, Account code, group, Trung kế :**10.1. Theo máy nhánh:**

The dialog box 'In chi tiết cuộc điện thoại theo máy nói bo' contains the following fields and options:

- Máy nhánh : [Text field]
- Số gọi : [Text field]
- Bắt đầu : Ngày 24/03/2015, Giờ 0, Phút 0
- Kết thúc : Ngày 24/03/2015, Giờ 23, Phút 59
- Chọn loại gọi : [List box with options: 0 Nhân tin, 0 Thành phố, 0 108, 0 Dịch vụ, 0 Voice link, 0 Huyện, 0 Gọi nội bộ, 0 VINA FONE]
- Radio buttons: Tất cả, Gọi bình thường, Gọi đặc biệt
- Tổng VND : [Text field] 0 >= VND [Text field] 0 Nói > [Text field] 0
- Total USD : [Text field] 0.00 USD >= [Text field] 0.00
- SUM : [Text field]
- End bill : [Text field] Cuối bill [Text field]
- IDTK : [Text field]
- Checkboxes on the right:
 - Authority
 - In năng authority
 - Tính VAT ở tổng
 - Tính nội hat
 - In tên group
 - USD- VND
 - In chi tiết
 - In chi tiết chung
 - File/Trang mới cho mỗi máy
 - In tóm tắt [Unit: Giấy]
 - In tóm tắt từng máy
 - In tóm tắt tổng
 - Thứ tự theo bị gọi
 - In số trung kế
 - Báo cáo đơn giản

10.2. Theo trung kế:

In chi tiết cuộc điện thoại theo trung kế

Trung kế: [Redacted]

Số gọi: [Redacted]

Bắt đầu: Ngày 24/03/2015, Giờ 0, Phút 0

Kết thúc: Ngày 24/03/2015, Giờ 23, Phút 59

Chọn loại gọi: 0 Nhân tin, 0 Thành phố, 0 108, 0 Dịch vụ, 0 Voice link, 0 Huyện, 0 Gọi nội bộ, 0 VINA FONE

Tổng VND: 0 >= VND, 0 Nói > 0

Total USD: 0.00 USD >= 0.00

SUM: [Redacted]

End bill: [Redacted] Cuối bill: [Redacted]

IDTK: [Redacted]

In năng authority
 Tính VAT ở tổng
 Tính nội hat
 USD- VND
 In chi tiết
 In chi tiết chung
 File/Trang mới cho mỗi máy
 In tóm tắt [Giây]
 In tóm tắt từng máy
 In tóm tắt tổng
 Thứ tự theo bị gọi
 In số trung kế
 Báo cáo đơn giản

10.3. Theo thống kê :

Bộ cộ sẽ liêu c-ic

Bắt đầu: Ngày 01/06/2014, Giờ 0, Phút 0

Kết thúc: Ngày 01/06/2014, Giờ 23, Phút 0

Chọn loại gọi: 0 Voice link, 0 Thành phố, 0 108, 0 Dịch vụ, 0 Huyện, 0 Gọi nội bộ, 0 VINA FONE

Extension: [Redacted]

Số gọi: [Redacted]

Số bill đầu: 0 Số cuối: 20719 Duration > 0

Số bill cuối: 0

IDTK: [Redacted]

In tóm tắt
 Theo chủ gọi
 Theo bị gọi
 Theo hướng
 Theo ngày
 Cuộc gọi đến
 Cuộc gọi đi
 In số bill

Tính theo oper: 0

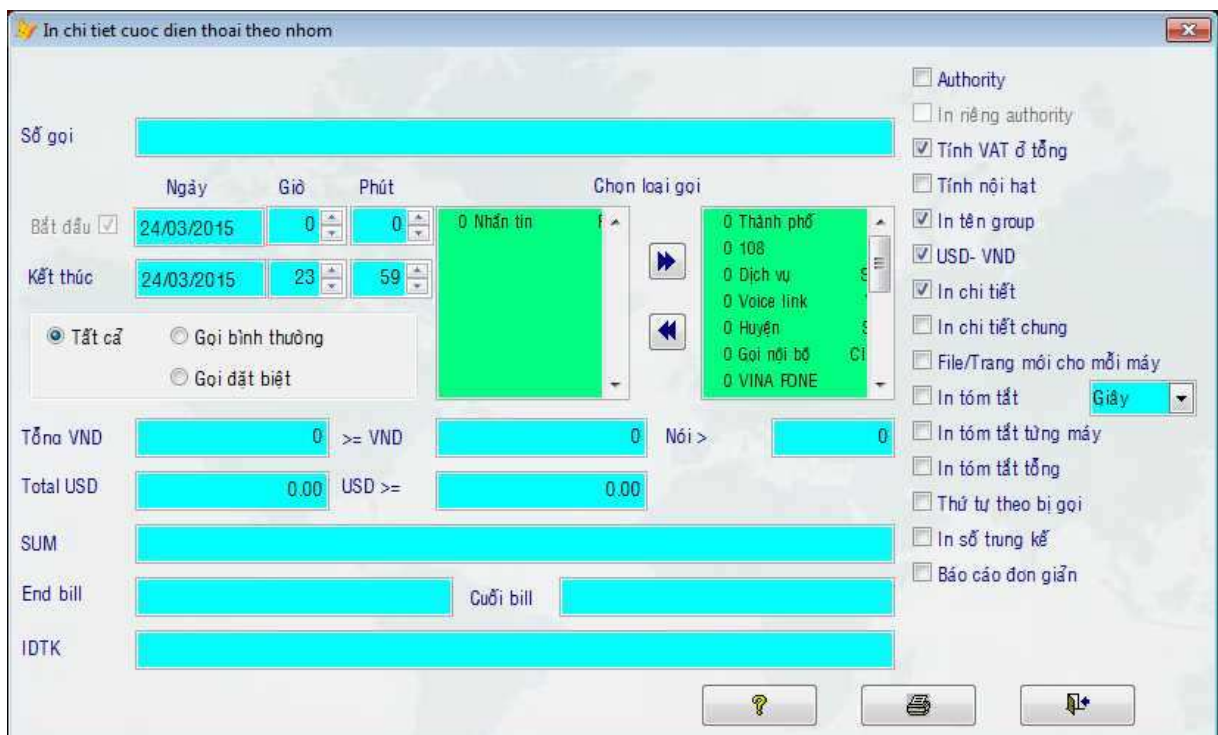
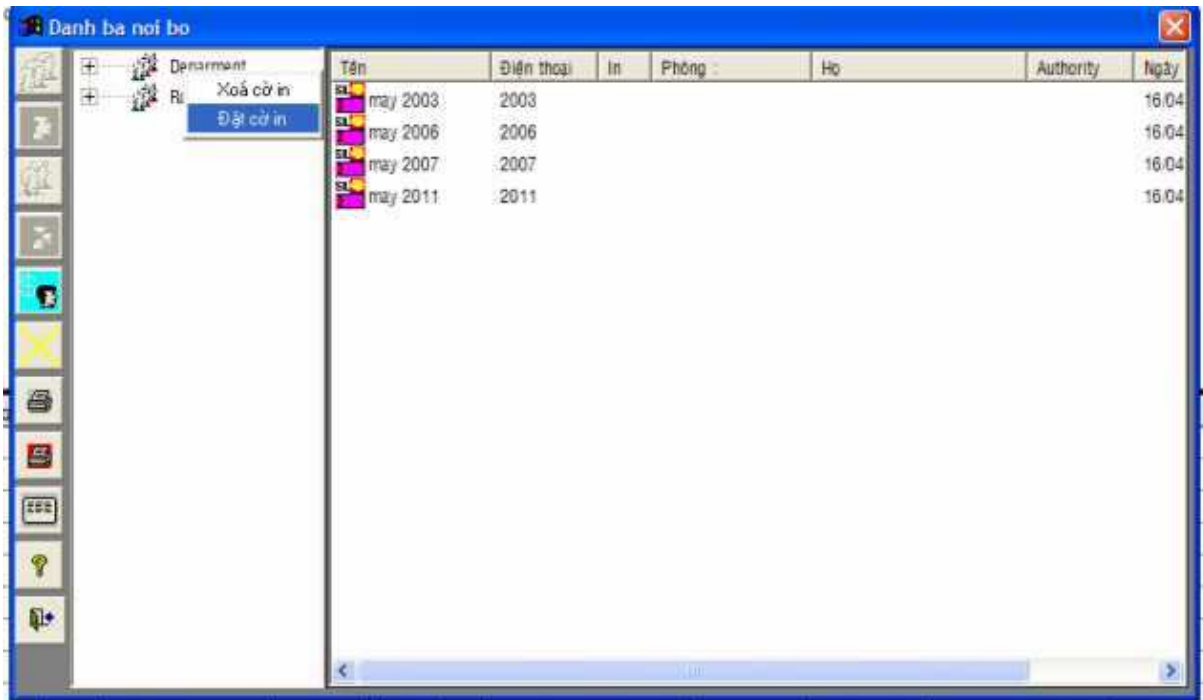
Tiền lớn nhất: 0

Nói lớn nhất: 0

Trống IDTK Tên

10.4. Theo nhóm:

Chọn máy hay nhóm in



1- Vào Extention/Trung kế cần in : cho các số máy cần in, điện thoại cách nhau bằng dấu phẩy, hay một dải máy bằng cách đánh số máy đầu và máy kết thúc cách nhau bằng dấu gạch nối ngang. Nếu để trống là in tất cả các máy. Ví dụ : 123,234-237,111

2- Số máy bị gọi : chỉ in các cuộc gọi tới một số máy , một hướng gọi (Vào các số đầu của hướng gọi), các số bị gọi cách nhau bằng dấu phẩy. Ví dụ : 0078,1710082 để in các cuộc gọi đi Cà Mau và Korea dùng 171

3- Chọn loại kết xuất:

- Máy in : xuất ra máy in hay xem trên màn hình dưới dạng bill chi tiết, tóm tắt
- HTML : xuất ra file HTML
- File DBF : xuất ra file DBF
- File Exel : xuất ra file Excel

4- Chọn loại cuộc gọi cần in bằng cách nhấp chuột trái 2 lần trên loại cuộc gọi cần in (List bên trái), chọn tất cả bằng cách nhấn nút '>>', xoá list chọn bằng cách nhấn nút '<<'.

5- Vào ngày giờ bắt đầu xử lý

6- Vào ngày giờ kết thúc xử lý

7- Chọn các chức năng

- Chọn option Authority code : nếu bạn muốn in những cuộc gọi của máy điện thoại cùng với các cuộc gọi ở các máy điện thoại khác có sử dụng mã authority của máy điện thoại này.

- Tính lại cước: Cước các cuộc gọi được tính lại trước khi in.
- VAT ở tổng : VAT sẽ được tính ở cuối hoá đơn. Vat không tính ở mỗi cuộc gọi.
- Sử dụng phụ trội: Các cuộc gọi mà có nhóm in là 0, sẽ được tính theo phụ trội.
- USD - VND : Tính USD và VND được in riêng biệt, sau đó tổng USD được đổi sang VND với tỉ giá USD của ngày in và tổng cộng bằng VND. Nếu bạn không chọn, Các cuộc gọi được tính bằng USD sẽ được đổi sang VND với tỉ giá ở thời điểm gọi.

- Tên nhóm : In tên nhóm và bộ phận của mỗi máy.

- In chi tiết : In hoá đơn chi tiết điện thoại
- In tóm tắt phút : In tổng phút của mỗi loại gọi
- In tóm tắt từng máy : In tổng cước mỗi loại gọi cho mỗi máy, nhân viên
- In tóm tắt tất cả : In tổng cước mỗi loại gọi cho mỗi nhóm
- Sắp thứ tự theo số bị gọi : In báo cáo theo thứ tự số bị gọi

8 - Nhấn nút file cho chọn tên file xuất

9 - VND >= : if > 0 cho lọc những cuộc gọi có giá lớn hơn

10- USD >= : if > 0 lọc những cuộc gọi có giá lớn hơn

11- VND = : if > 0 cho cân đối với giá VND nhận từ hoá đơn của Bưu điện

12- USD = : if > 0 cho cân đối với giá USD nhận từ hoá đơn của Bưu điện

Hoá đơn điện thoại chi tiết :



CDR_HOTEL DEMO

Mã số thuế: 3700144676-1

BILL DETAIL OF TELEPHONE

Từ ngày 24/05/2001, lúc 0:0 tới ngày 24/05/2001, lúc 23:59

Tel : 101

Trang : 1

Tên : Extension 101

Ngày gọi	Giờ gọi	Chủ	Bị gọi	Nơi	Nơi đến	Tổng việt	Tổng USD
Đường dài							
24/05/2001	10:00:00	101	07802914111	00:02:00	CA MAU	2,360.00	2,360.00
MOBI FONE							
24/05/2001	10:00:00	101	09042914111	00:02:00	MOBIE VUNG 1	8,364.00	
24/05/2001	10:00:00	101	09022914111	00:02:00	MOBIE VUNG 1	8,364.00	
							16,728.00
Quốc tế							
24/05/2001	10:00:00	101	0082914111	00:02:00	KOREA REP OF		4.71
							4.71
Tổng :						19,088.00	4.71
						19,088.00 VNĐ +	4.71 USD x 13908.00 =
						84,594.68 VNĐ	VAT :
						8,459.47 VNĐ	TỔNG CỘNG :
						93,054.15 VNĐ	

Hoá đơn điện thoại tóm tắt :



CDR_HOTEL DEMO

Mã số thuế: 3700144676-1

BILL SUMMARY

Từ ngày 24/05/2001, lúc 0:0 tới ngày 24/05/2001, lúc 23:59

Trang : 1

Tel	Tên	Total VND-STD	Total VND-VNF	Total VND-GSM	Total USD-IDD					Tổng USD	Tổng VNĐ
101	Exensio	2,360.00		16,728.00	4.71					5.18	20,996.80
201	OPER	1,360.00	5,818.00								7,895.80
301	UUUU	5,720.00	3,272.00	3,272.00							13,490.40
401	TTTTT	8,700.00	4,908.00								14,968.80
Tổng cộng		18,140.00	13,998.00	20,000.00	4.71	0.00	0.00	0.00	0.00	5.18	57,351.80

STD: Đường dài
VNF: VINA FONE
GSM: MOBI FONE
IDD: Quốc tế

Hoá đơn điện thoại tóm tắt theo nhóm:**Tóm tắt cuộc gọi**

Từ ngày 14/05/2002, lúc 5:53 tới ngày 15/05/2002, lúc 21: 0

Trang : 1

Tel	Tên :	Total VND LOC	Total VND VNF	Total VND STD				Tổng cộng : USD	Tổng cộng :
Bồ phận :		Technical							
102	Nguyễn Ánh Tổng : Phút			6,970 2					7,667 2
105	Trần Văn Hùng Tổng : Phút	480 4	48,451 13						53,824 17
Tổng : Bồ phận		480	48,451	6,970					61,491
Tổng : Phút		4	13	2					19
Tổng cộng :		480	48,451	6,970					61,491
Tổng cộng : Phút		4	13	2					19

LOC: Thành phố
VNF: VINA FONE
STD: Đường dài

Báo cáo vượt định mức:

Khi in báo cáo có chọn cờ Check norm sẽ xuất ra báo cáo có xét định mức. Màu xanh là chưa vượt, màu đỏ là vượt.



CÔNG TY TNHH MTV TONG CÔNG TY TAN CANG SAI GON

Summary telephone call

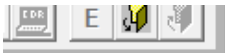
From date 27/04/2012, at 0: 0 to date 27/04/2012, at 23: 0

Page : 1

Tel	Name :	Total VND STD	Total VND GSM	Total VND VFO				Grand total : USD	Grand total :
8129	Service Room	7,276							8,004
		Norm : 500,000		Below Norm 491,996					
8321	Lan Nhi Nguyen, Thi	25,244	6,532						34,954
		Norm : 30,000		Over Norm 4,954					
8420	An An Duong, Tran Authority 8420	9,727 17,968	18,149	9,058					40,627 19,765
		Total : 8420	18,149	9,058					60,392
		Norm : 200,000		Below Norm 139,608					
8892	Tran, Anthony		16,129						17,742
		Norm : 1,538,461		Below Norm 1,520,719					
Grand total :		60,215	40,810	9,058					121,092

STD: Long call
GSM: Mobie fone
VFO: Viettel mobie

ADM IN:01/05/2012 08:34:30



CONG TY TNHH MTV TONG CONG TY TAN CANG SAI GON



Telephone bill detail

Telephone : 8129

Name : Service Room

From date 27/04/2012, ,at 00:00 to date 27/04/2012, ,at 23:00

Call date	Call time	Calling	Called	Duration	Destination	Total VND	Total USD
Long call							
27/04/2012	10:05:00	8129	06380387687	00:08:10	LAM DONG	7,276	
Sub total :						7,276	
Total :						7,276	
VAT :						728	Vnd
Grand total :						8,004	Vnd
Norm	500,000	Vnd	Below Norm			491,996	Vnd

HC/MC, 01/05/2012
Exchange

01/05/2012 08:22:47

Operator



CONG TY TNHH MTV TONG CONG TY TAN CANG SAI GON

Telephone bill detail

Telephone : 8321

Name : Lan Nhi Nguyen, Thi

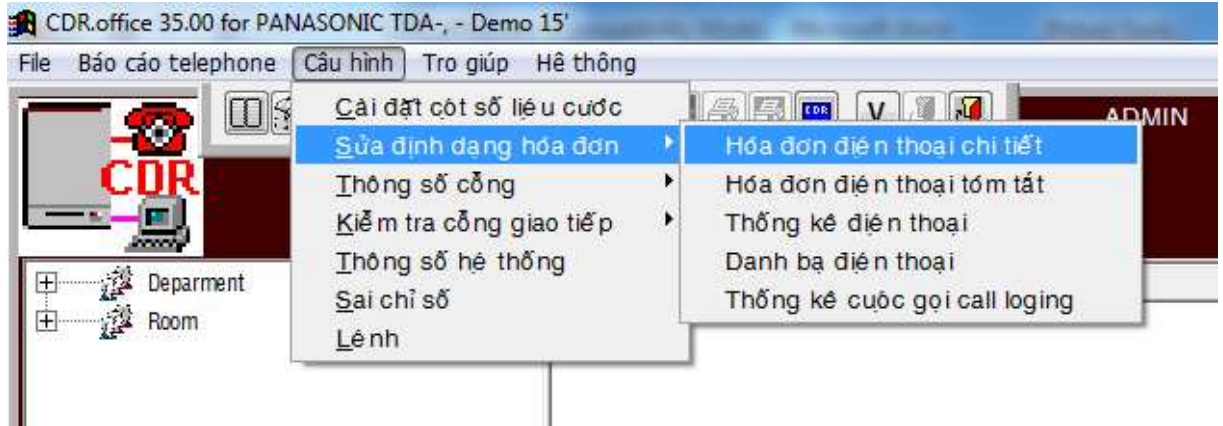
From date 27/04/2012, ,at 00:00 to date 27/04/2012, ,at 23:00

Call date	Call time	Calling	Called	Duration	Destination	Total VND	Total USD
Long call							
27/04/2012	10:05:00	8321	056730387687	00:08:10	BINH DINH	7,276	
27/04/2012	10:05:00	8321	046380387687	00:20:10	HA NOI	17,968	
Sub total :						25,244	
Mobile tone							
27/04/2012	10:05:00	8321	0906380387687	00:08:10	GSMHCM	6,532	
Sub total :						6,532	
Total :						31,776	
VAT :						3,178	Vnd
Grand total :						34,954	Vnd
Norm	30,000	Vnd	Over Norm			4,954	Vnd

HC/MC, 01/05/2012
Exchange

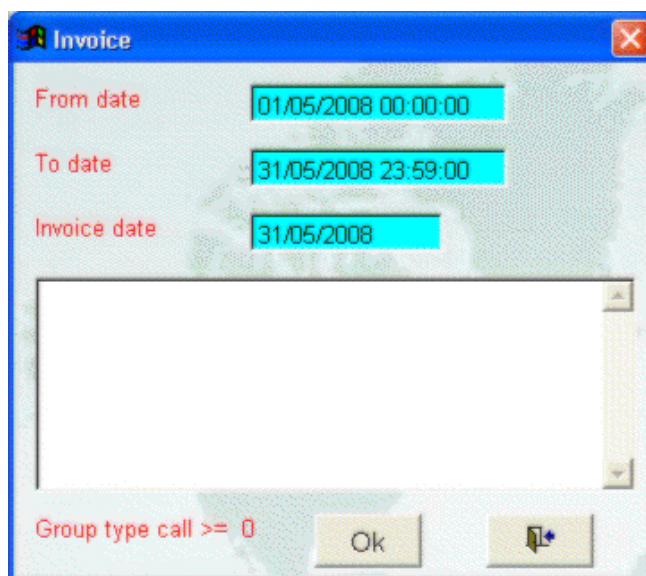
11. Sửa dạng báo cáo:

Có thể sửa các dòng text trên các báo cáo theo ý muốn:



12. Tạo invoice cho khách và nhân viên:

Khi khách trả phòng hay in danh sách hoá đơn cước cuối tháng cho khách hay nhân viên thì hệ thống sẽ tạo invoice cho mỗi hoá đơn.



Invoice

From date 01/05/2008 00:00:00

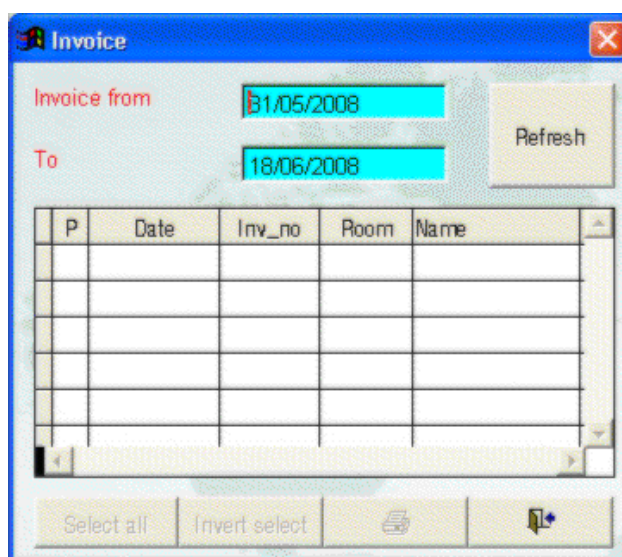
To date 31/05/2008 23:59:00

Invoice date 31/05/2008

Group type call >= 0

Ok

Khi cần in lại chỉ cần vào mục in invoice để chọn hoá đơn để in lại



Invoice

Invoice from 31/05/2008

To 18/06/2008

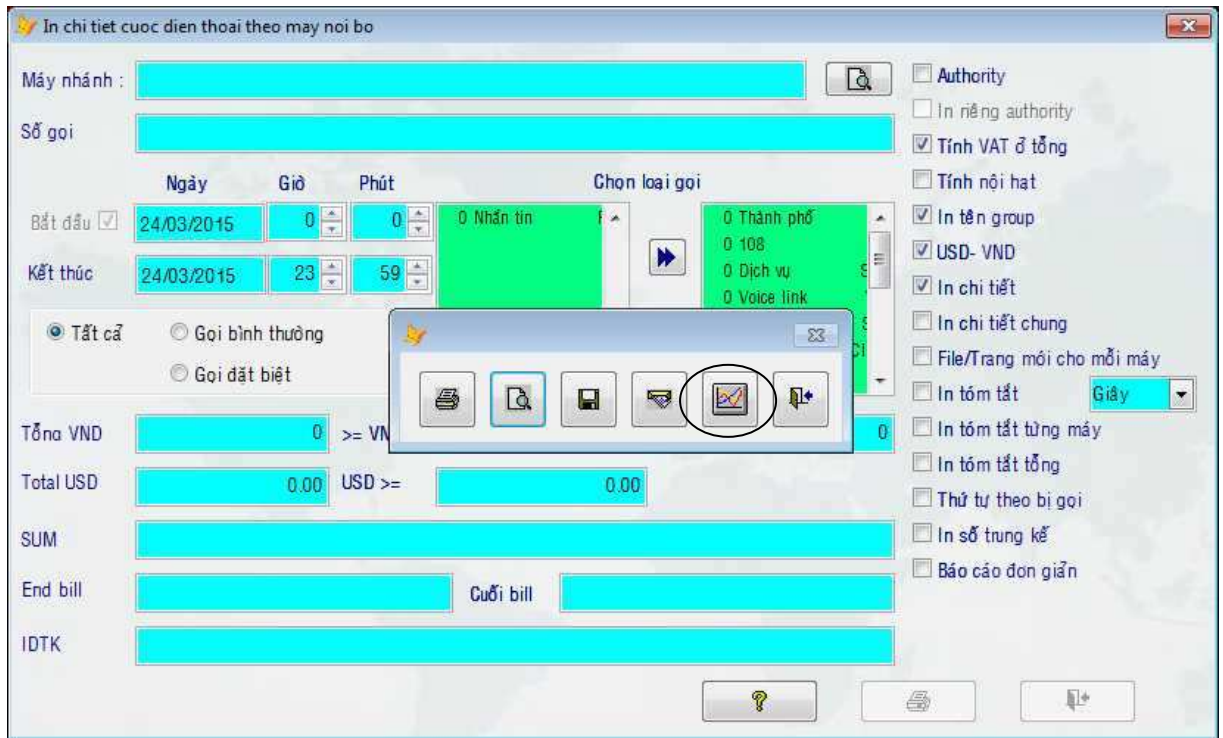
Refresh

P	Date	Inv_no	Room	Name

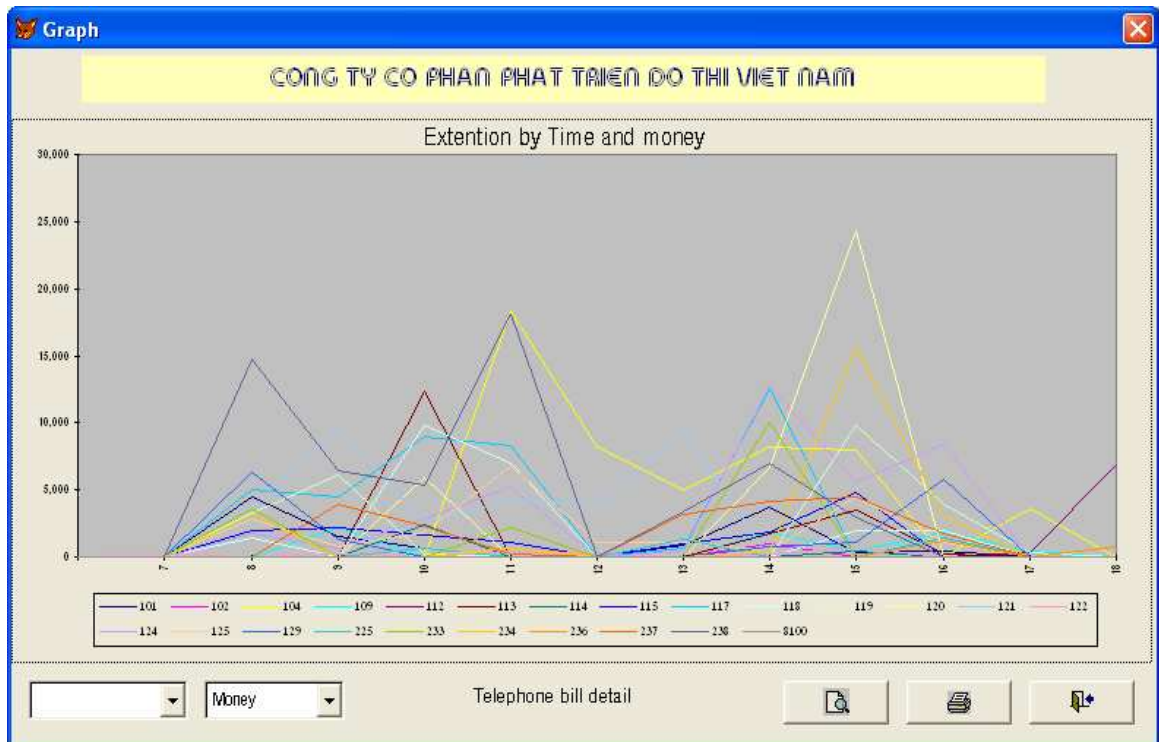
Select all Invert select

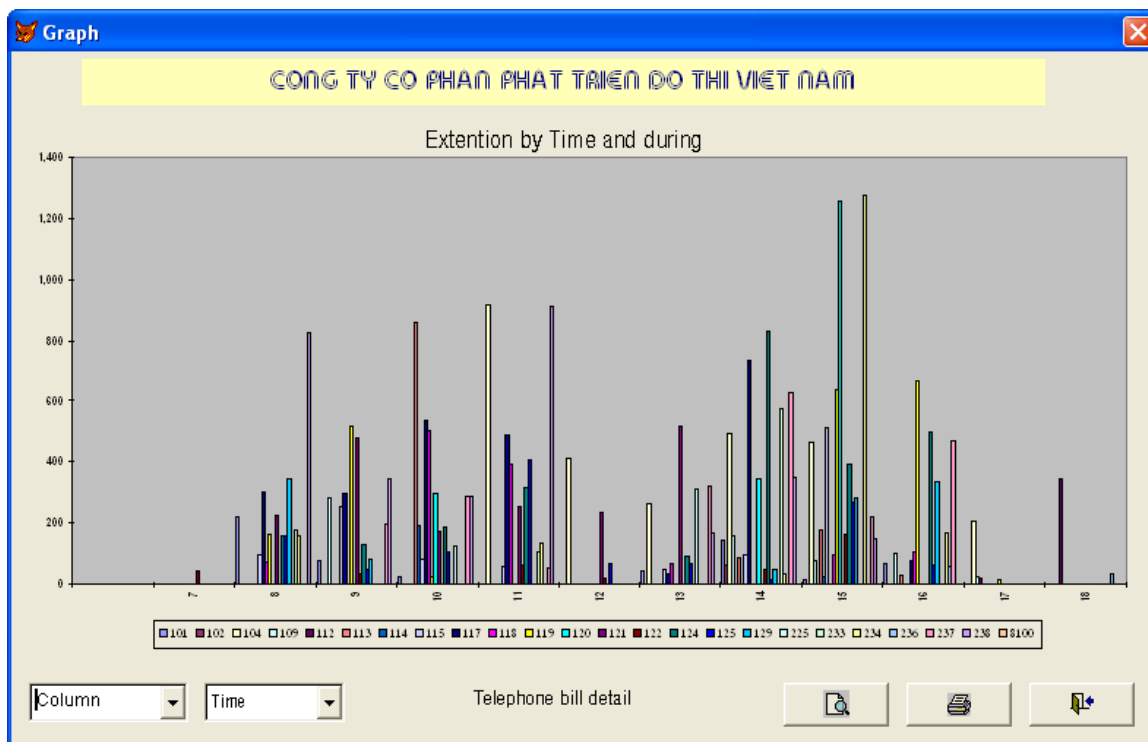
Hoá đơn in ra sẽ có đúng các cuộc gọi đã in lúc tạo invoice cùng với tên khách, ngày giờ ở mà chúng ta không cần phải nhớ.

13. Báo cáo dạng đồ thị:



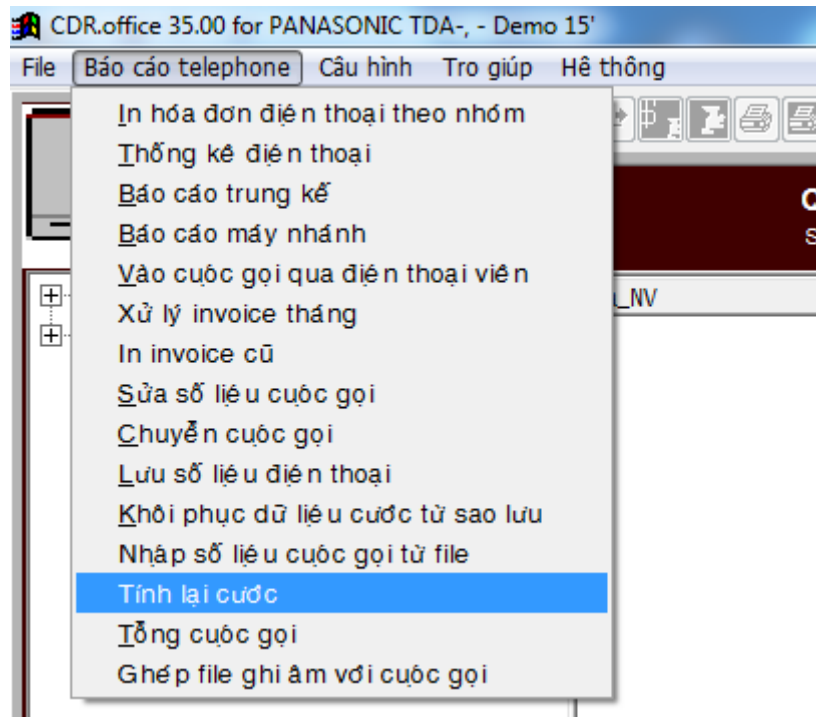
Trong các báo cáo chọn loại kết xuất là Đồ thị (Graph) thì kết quả sẽ kết xuất dưới dạng đồ thị như các hình sau:






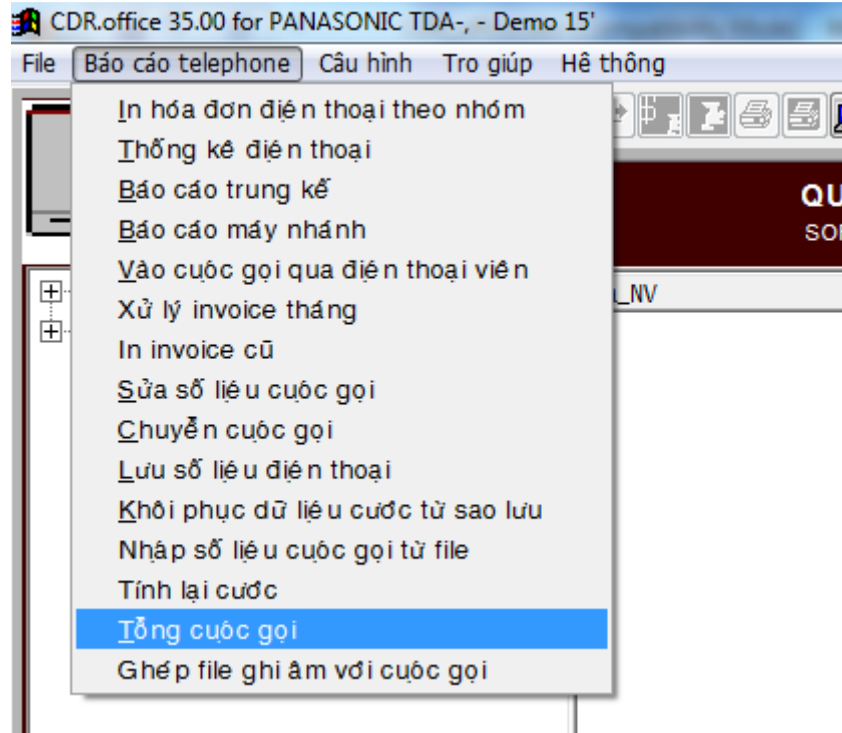
14. Tính lại cước:

Để tính lại cước cho một khoảng thời gian, của các máy và hướng gọi.



15. Danh sách tổng hợp cuộc gọi cho các máy:**15.1. Tổng cuộc gọi:**


Bạn vào menu và chọn mục “Tổng cuộc gọi” hay nhấn nút  để mở cửa sổ này:



List total call

Group	Name	Telephone	Call	Total	Last call	Level	Authority
Technical		105	5	33,000	15/04/2012 11:08:45	0	4747
ADMIN	An An Duong, Tran	8420	36	60,395	30/04/2012 13:59:25	0	15405
		2134	10	16,000	25/05/2009 06:09:30	0	
		7256	10	56,000	25/05/2009 06:09:30	0	
PABX group	Service Room	8129	1	8,004	25/05/2009 06:09:30	0	
ADMIN	Lan Nhi Nguyen, Thi	8321	3	34,954	02/04/2009 05:23:17	0	
HR Dept	Tran, Anthony	8892	1	17,742	02/04/2009 05:23:17	0	
Audit_Dept	Hoang Anh Pham, Thi	8380	64	225,248	24/04/2012 15:09:40	0	15140
Tax Dept	Van Anh Nguyen, Thi	8270	96	449,274	24/04/2012 15:09:40	0	35073

01/04/2012

Trong cửa sổ này, nhấn nút  để xoá các số liệu tổng cộng nếu cần.

Mục ngày là ngày bắt đầu thống kê. Nếu bạn sửa lại ngày thì chương trình sẽ tính lại số liệu tổng của từng máy tính từ thời điểm này tới ngày hôm nay (nếu ngày báo cáo tháng trong thông số mail lớn hơn ngày hôm nay).


Khi bạn thao tác check in một máy thì số liệu tổng của máy trong danh sách sẽ xoá về không.

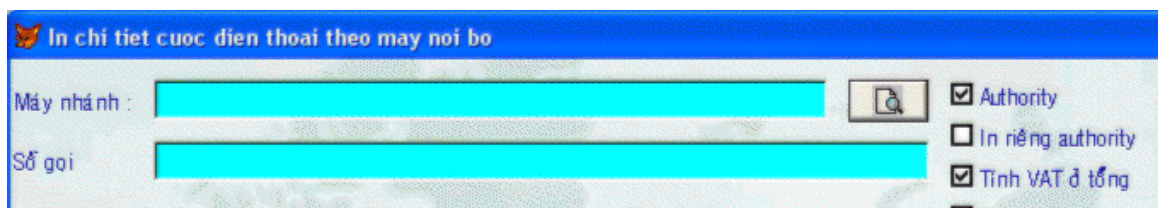
Mỗi khi nhận một cuộc gọi từ tổng đài, CDR xử lý tính cước và cập nhật công thêm số tiền của cuộc gọi vào danh sách này. Sau đó, xét định mức có vượt chưa sẽ mail cảnh báo cho người gọi.

Nhập ngày bắt đầu tính ở góc dưới bên trái, CDR sẽ tự động tính lại số tiền đã gọi của từng máy tính từ ngày được set.

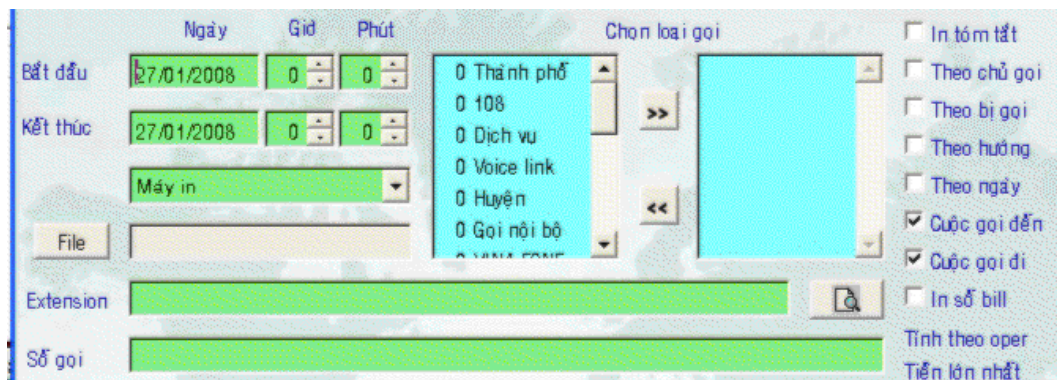
Nếu có tính lại cước trong khoản thời gian xét định mức thì phải chạy chức năng này.

15.2. Báo cáo chọn từ danh bạ:

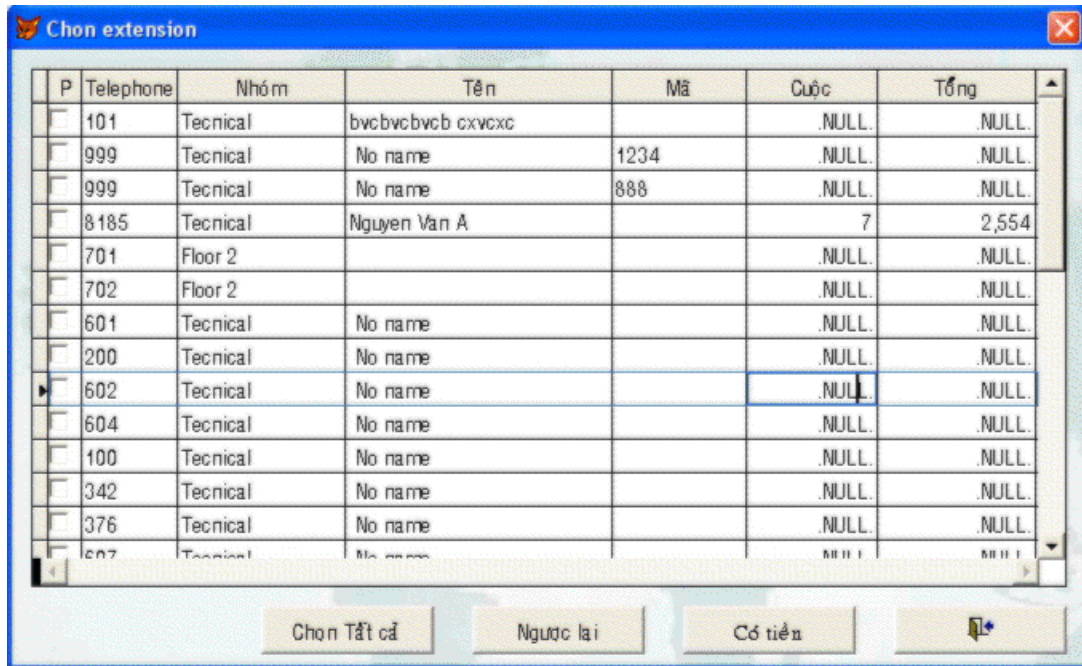
Khi bạn báo cáo số liệu từ mục “Báo cáo máy nhánh” hay “Thống kê điện thoại”, bạn sẽ không cần nhớ danh sách tên của điện thoại. Đơn giản bạn nhấn vào nút  để chọn máy từ danh sách.



Cửa sổ “Báo cáo máy nhánh”



Cửa sổ “Thống kê điện thoại”



- Máy nào muốn in thì bạn đánh dấu cờ P.
- Nút “Chọn tất cả” để đánh dấu tất cả các máy.
- Nút “Ngược lại” để đánh dấu các máy không đánh dấu, xoá các máy đang đánh dấu.
- Nút “Có tiền” : đánh dấu các máy có gọi tính từ ngày bắt đầu thống kê.
- Bạn muốn sort theo cột nào thì nhấn vào đầu cột đó.

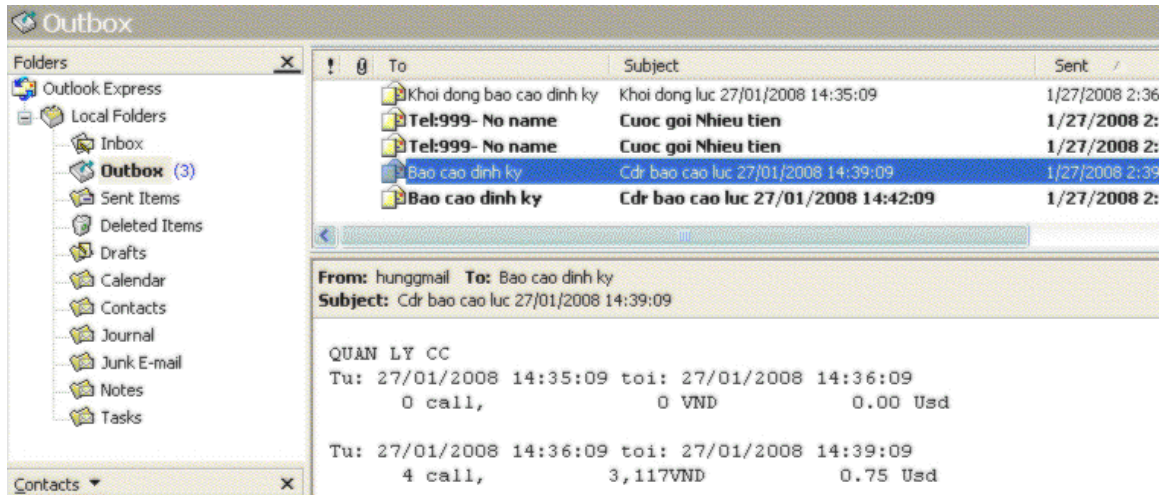
Chương trình ưu tiên xét trong danh sách trước rồi xét tiếp khai báo trong dòng “Máy nhánh” hay “Extension.

16. Khai báo thông số cho tác vụ mail:**16.1. Cài đặt thông số mail:**

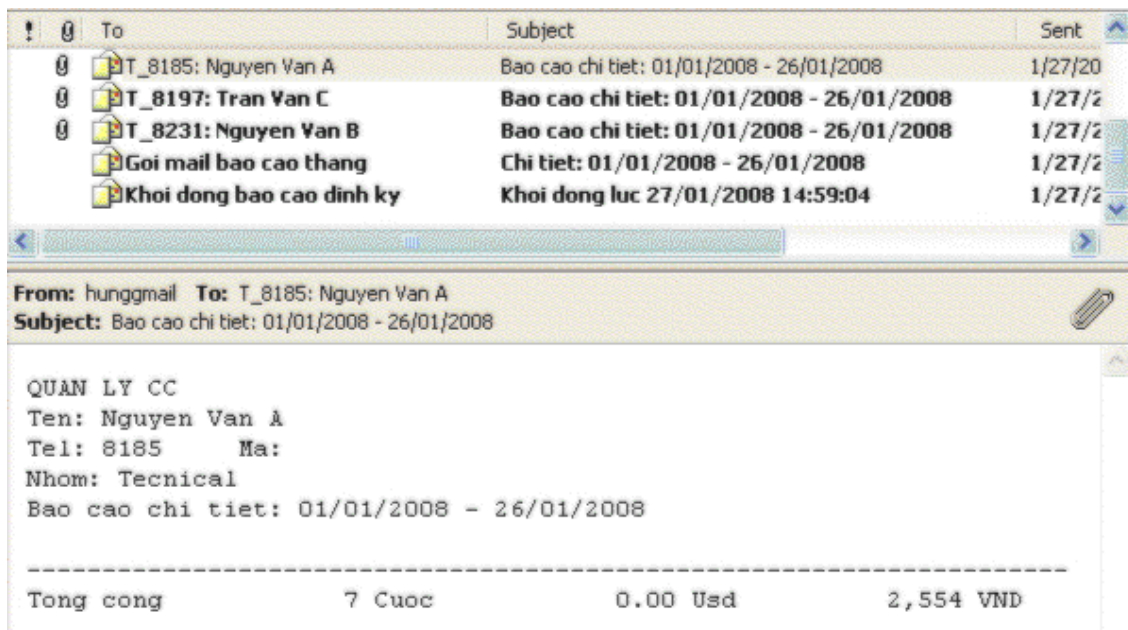
Bạn vào Cài đặt -> Thông số hệ thống và chọn tab Mail

Nhóm mail	Nói	Cuộc	Tổng	Mail mặc định	Loại gọi
Default	0	0	0		

1. **Profile mail:** Profile của user mail default trong Outlook Express. Chương trình sẽ sử dụng user này để gửi mail đi.
2. **ĐC mail báo cáo:** Chương trình sẽ gửi tới địa chỉ mail này các cảnh báo của chương trình.
3. **ĐC mail báo cước:** Chương trình sẽ gửi tới địa chỉ mail này các báo cáo cước định kỳ, các báo cáo cước hàng tháng của mỗi máy hay cước tức thời nếu máy này không có địa chỉ email riêng.
4. Mail chạy: nếu chọn thì tác vụ mail sẽ hoạt động, nếu không chọn thì các tác vụ mail sẽ ngưng.
5. Báo cáo (phút): thời gian gửi các báo cáo định kỳ. Chương trình sẽ gửi vào **ĐC mail báo cước** tổng số cuộc gọi và tổng tiền tính từ đầu ngày hay lúc bắt đầu chương trình đến thời điểm báo cáo hiện tại mà chương trình nhận được từ tổng đài.



6. **Ngày báo cáo cước:** Ngày mà mỗi tháng chương trình sẽ tự động tạo báo cáo cước cho mỗi máy của toàn bộ hệ thống và gửi mail cho từng máy (nếu máy chưa có hay không có địa chỉ email thì chương trình sẽ gửi vào **ĐC mai báo cước**). Số liệu sẽ tính từ ngày bắt đầu thống kê trên cửa sổ **“Danh sách tổng hợp cuộc gọi cho các máy”** đến ngày hôm qua. Sau khi gửi báo cáo xong chương trình sẽ lấy ngày này thay vào ngày bắt đầu thống kê trên cửa sổ **“Danh sách tổng hợp cuộc gọi cho các máy”** và tính lại danh sách này. Do đó tháng sau chương trình sẽ báo cáo số liệu tiếp theo.
Tùy theo có khai báo ở mục danh bạ nội bộ là có báo cáo tháng tự động hay không thì chương trình sẽ gửi báo cáo.
7. **Tóm tắt:** Nếu không chọn thì số liệu cước cho mỗi máy hàng tháng là dạng chi tiết.



T_8185.txt - Notepad

File Edit Format View Help

QUAN LY CC
Ten: Nguyen Van A
Tel: 8185 Ma:
Nhóm: Technical
Báo cáo chi tiết: 01/01/2008 - 26/01/2008

Ngày	Giờ	Ext	Bí gọi	Nơi	Nơi đến	Cuộc
06/01/2008	08:38:00	8185	822839	00:01:05	LOCAL CALL	264 V
06/01/2008	08:43:00	8185	0919288014	00:00:00	Vina Phone	0 V
06/01/2008	08:49:00	8185	0903051779	00:00:55	GSMHCM	1,238 V
06/01/2008	09:08:00	8185	822839	00:00:26	LOCAL CALL	132 V
06/01/2008	09:13:00	8185	822136	00:00:00	LOCAL CALL	0 V
06/01/2008	09:14:00	8185	822136	00:00:15	LOCAL CALL	132 V
06/01/2008	09:23:00	8185	0903910474	00:00:35	GSMHCM	788 V
Tong cong		7 Cuộc	0.00 Usd			2,554 VND

Nếu chọn thì số liệu cước cho mỗi máy hàng tháng là dạng tóm tắt.

! @ To Subject Sent

- Khởi động báo cáo định kỳ Khởi động lúc 27/01/2008 15:23:31 1/27/2...
- T_8185: Nguyen Van A Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/20...
- T_8197: Tran Van C Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2...
- T_8231: Nguyen Van B Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2...
- Gửi mail báo cáo tháng Tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2...

From: hunggmail To: T_8185: Nguyen Van A
Subject: Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008

QUAN LY CUOC
Ten: Nguyen Van A
Tel: 8185 Ma:
Nhóm: Technical
Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008

Loại gọi	Cuộc	Usd	VND
GSM: MOBI FONE	: 2	0.00	2,026
LOC: Thanh pho	: 3	0.00	528
UNK: Không xác định	: 2	0.00	0
Tong cong	3	0.00	2,554

Sau khi chạy báo cáo tháng xong, chương trình sẽ gửi mail vào địa chỉ **ĐC mai báo cước** báo số báo cáo đã gửi

! @ To Subject Sent

- Khởi động báo cáo định kỳ Khởi động lúc 27/01/2008 15:23:31 1/27/2008 3:24...
- T_8185: Nguyen Van A Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2008 3:24 PM
- T_8197: Tran Van C Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2008 3:24...
- T_8231: Nguyen Van B Báo cáo tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2008 3:24...
- Gửi mail báo cáo tháng Tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008 1/27/2008 3:24 PM

From: hunggmail To: Gửi mail báo cáo tháng
Subject: Tóm tắt: 01/01/2008 - 26/01/2008

Xu lý xong báo cáo tóm tắt: 3 báo cáo

8. Loại nhóm mail:

- *Nhóm mail* : Tên nhóm mail. Mỗi máy trong danh bạ sẽ ứng với một nhóm này.
- *Nói (giây)*: Nếu cuộc gọi có thời gian nói chuyện lớn hơn cột này, thì chương trình sẽ gửi số liệu chi tiết cuộc gọi này tới địa chỉ mail của chủ cuộc gọi. Nếu cột này = 0 nghĩa là không xét thời gian nói chuyện.

The screenshot shows an Outlook Express interface. The top part displays a list of emails with columns for 'To', 'Subject', and 'Sent'. Below this, the details of a selected email are shown, including 'From: hunggmail', 'To: Tel:999- No name', and 'Subject: Cuộc gọi Gọi lâuNhiều tien'. At the bottom, there is a table titled 'QUAN LY CUOC' with columns: Ngày, Gio, Ext, Bi gọi, Noi, Noi den, and Cuoc. The data row shows: 01/06/2007 12:54:00 103 090374656654 00:01:25 GSMHCM 1,700 V *

- *Cước*: Nếu cuộc gọi có cước lớn hơn cột này, thì chương trình sẽ gửi số liệu chi tiết cuộc gọi này tới địa chỉ mail của chủ cuộc gọi. Nếu cột này = 0 nghĩa là không xét cước cuộc gọi.

The screenshot shows an Outlook Express interface. The top part displays a list of emails with columns for 'To', 'Subject', and 'Sent'. Below this, the details of a selected email are shown, including 'From: hunggmail', 'To: Tel:999- No name', and 'Subject: Cuộc gọi Nhiều tien'. At the bottom, there is a table titled 'QUAN LY CC' with columns: Ngày, Gio, Ext, Bi gọi, Noi, Noi den, and Cuoc. The data row shows: 01/06/2007 14:15:00 101 00174656654 00:01:25 USA 0.75 U V *

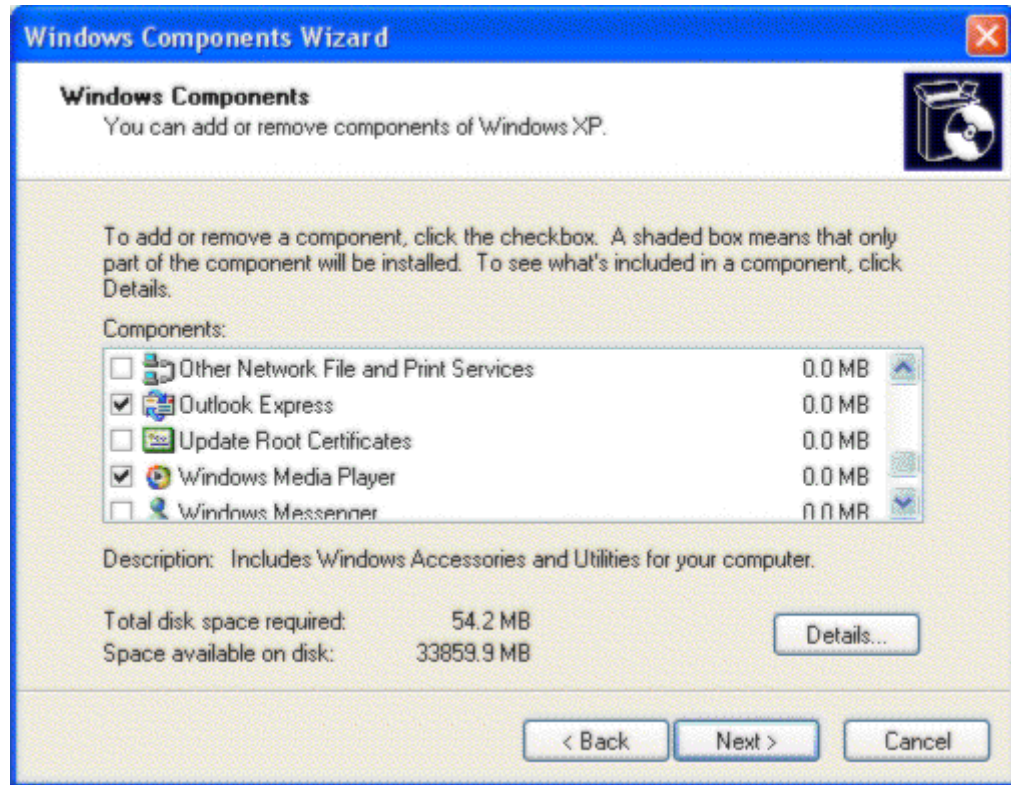
- *Tổng*: Nếu tổng tiền cộng dồn các cuộc gọi lớn hơn cột này, thì chương trình sẽ gửi số liệu chi tiết cuộc gọi tới địa chỉ mail của chủ cuộc gọi. Nếu cột này = 0 nghĩa là không xét tổng cước cuộc gọi.
- *Mail mặc định*: Nếu chủ máy không có địa chỉ mail riêng (khai báo trong danh bạ điện thoại) thì chương trình sẽ lấy địa chỉ này thay vào, nếu địa chỉ này trống sẽ lấy **ĐC mai báo cước**.
- *Loại gọi*: các cuộc gọi thuộc loại gọi này mới xét các điều kiện trên. Để trống là tất cả các cuộc gọi.

16.2. Cách khai báo trong Outlook Express:

Để chạy được chức năng mail, trên máy phải cài đặt Outlook Express.

1. Cài Outlook Express :

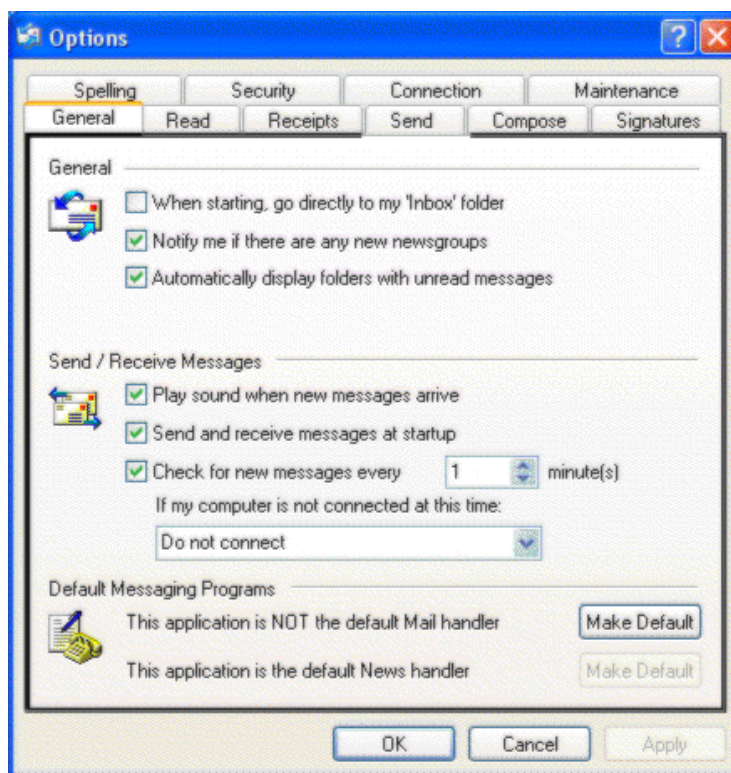
Nếu trên máy chưa có Outlook Express. Vào Control panel, chọn Add and remove program, chọn Add/Remove Windows components, đánh dấu Outlook Express. Nhấn next và Windows sẽ cài Outlook Express

**2. Khai báo account mail defefault:**

Chạy Outlook Express và chọn Tools -> Account -> Mail và Add một user account default (Server mail phải hỗ trợ POP 3 như Yahoo.com.vn, gmail.com,...)

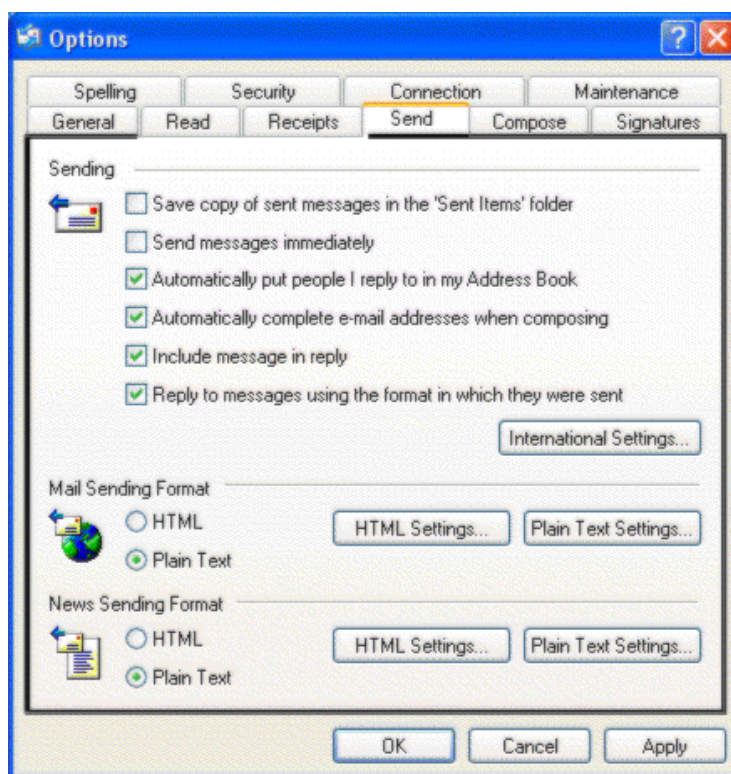
3. Khai báo option để chạy với chương trình:

Chạy Outlook Express và chọn Tools ->Option

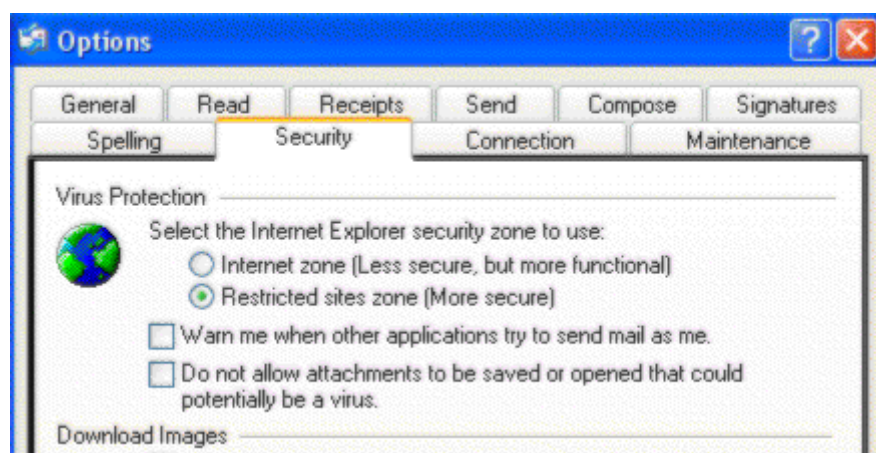


Set thời gian gửi mail tự động : khai báo số phút Outlook Express check and send mail trong thông số “Check for new messages every”.

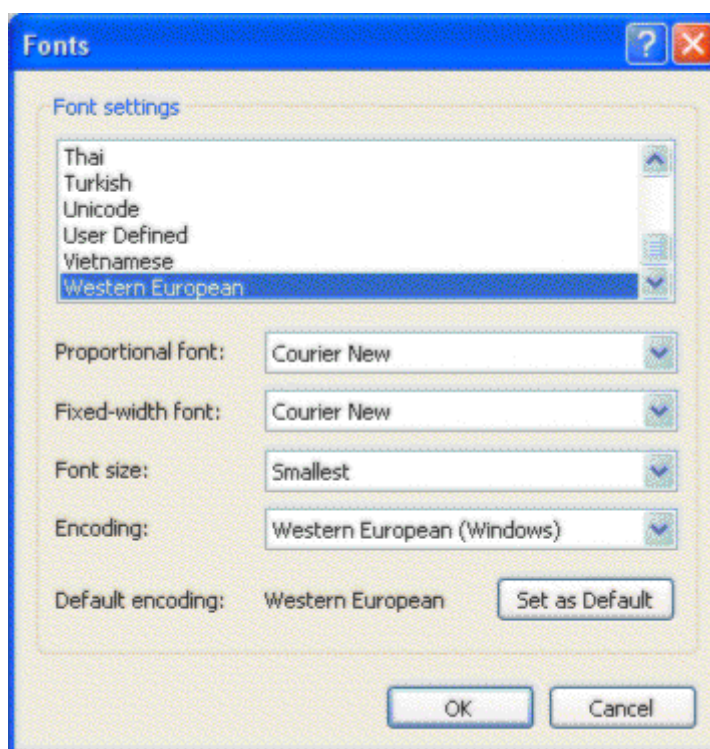
Chọn tab Send và bỏ đánh dấu Send message immediately và Save copy of send messages in the ‘Sent Items’ folder.



Vào tab Security và bỏ đánh dấu Warn me when other applicatios try to send mail as me.



Vào tab Read và chọn Font. Khai báo như sau:



17. Kết nối với hệ thống ghi âm:

Hệ thống ghi âm sẽ được kết nối vào các đường trung kế của tổng đài và các cuộc gọi sẽ được ghi âm lại dưới dạng file âm thanh (file WAV,..) trên ổ cứng hay server.

Chương trình sẽ dựa vào các thông tin trên số liệu cước để link cuộc gọi với file âm thanh của hệ thống ghi âm như sau:

- ID của trung kế (gọi ra hay gọi vào) tương đương số port ghi âm kết nối trên trung kế.
- Ngày và thời gian gọi tương đương ngày giờ bắt đầu ghi âm mỗi cuộc gọi (độ lệch có thể khai báo trên chương trình)
- Số gọi ra hay số chủ gọi vào (hệ thống ghi âm có caller ID) để xác định file ghi âm chính xác.

Tuỳ hệ thống ghi âm ghi có các cách lấy thông tin cuộc gọi khi ghi âm như sau:

- Tên file các file ghi âm có đầy đủ thông tin: port ghi âm, cờ gọi ra hay vào, số gọi ra hay chủ gọi vào, ngày, giờ gọi.

Ví dụ: hệ thống Voice soft tạo các tên file âm thanh như sau:

01--A-0835119567---20090707140017.wav

01--B-35119567---20090707135652.wav

01: port ghi âm

A: cuộc gọi vào – 0835119567 số chủ gọi vào

B: cuộc gọi ra – 35119567 số gọi ra

20090707140017: ngày 07/07/2009 lúc 14:00:17

20090707135652: ngày 07/07/2009 lúc 13:56:52

(định dạng YYYYMMDDHHMMSS)

- Tên file là tên riêng của hệ thống, không có thông tin cuộc gọi trên tên file. Phải kết nối vào database của hệ thống ghi âm để lấy các thông tin cuộc gọi: port ghi âm, cờ gọi ra hay vào, số gọi ra hay chủ gọi vào, ngày, giờ gọi và tên file âm thanh.

1. Cài đặt thông số kết nối:

Bạn vào Cài đặt -> Thông số hệ thống và chọn tab “kết nối ghi âm”

- Directory: chọn thư mục lưu trữ các file ghi âm.
- Loại ghi âm: Loại hệ thống ghi âm
- Giờ gọi lệch: lệch thời gian giữa hệ thống ghi âm và tổng đài. Chương trình sẽ tìm tất cả các file âm thanh có giờ bắt đầu sớm hơn hay trễ hơn thời gian tổng đài số giây lệch này.
- Xét số: Có xét số gọi ra hay chủ gọi vào không.



Bảng danh sách: chứa lịch sử sử dụng từng port ghi âm của hệ thống ghi âm, ngày của mỗi port phải theo thứ tự tăng dần.

- Port: Số port của hệ thống ghi âm.
- Date: Ngày bắt đầu sử dụng port này để ghi âm cho trung kế hay extension.
- Type: T: kết nối port ghi âm vào trung kế
E: kết nối port ghi âm vào extension
- Trk_ext: số ID của trung kế kết nối vào port ghi âm (nếu type = T). số máy nội bộ kết nối vào port ghi âm (nếu type = E).
- Remark: Ghi chú.

Theo thông tin ngày của cuộc gọi từ tổng đài, chương trình sẽ dò trong danh sách các port ghi âm có ngày sử dụng trước ngày này và gần ngày này nhất.

Từ thông tin số ID trung kế và số extension của cuộc gọi, nếu có port nào phù hợp với số ID trung kế hay số extension sẽ là port đã ghi âm cuộc gọi này.



để hiện cửa sổ chọn thư mục lưu trữ các file ghi âm



sẽ cập nhật danh sách tên file ghi âm vào chương trình.

2. Nghe ghi âm trên màn hình chính:

Call date	Call time	Calling	Called	Duration	St	Type	ID Tr	Destination	Total VND	Total USD	Name
20/08/2009	13:56:00	100	06223904890324	00:01:00	P	STD	01	BINH THUAN	1,000	0.00	
20/08/2009	14:51:00	100	0903904890324	00:01:00	P	GSM	02	GSMHCM	1,200	0.00	
20/08/2009	13:56:00	100	06223904890324	00:01:00	P	STD	01	BINH THUAN	1,000	0.00	

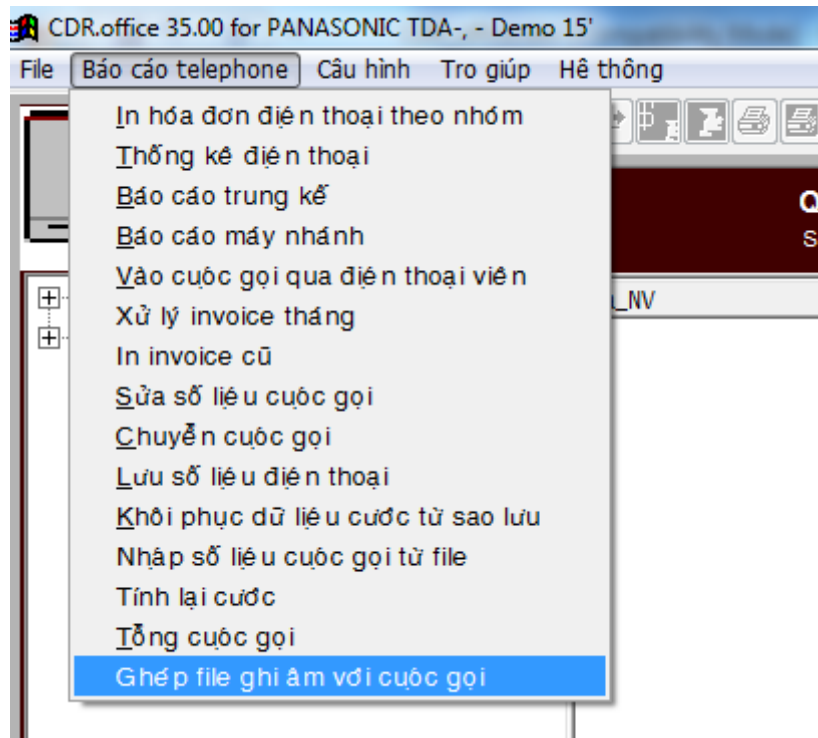
F1 - Giúp đỡ F2 - In nhóm F3 - In máy nhánh F4 - In chọn F5 - Tìm tên F6 - Tìm nơi F9 - Thoại

Trên màn hình chính chọn cuộc gọi cần nghe ghi âm và nhấn F9.

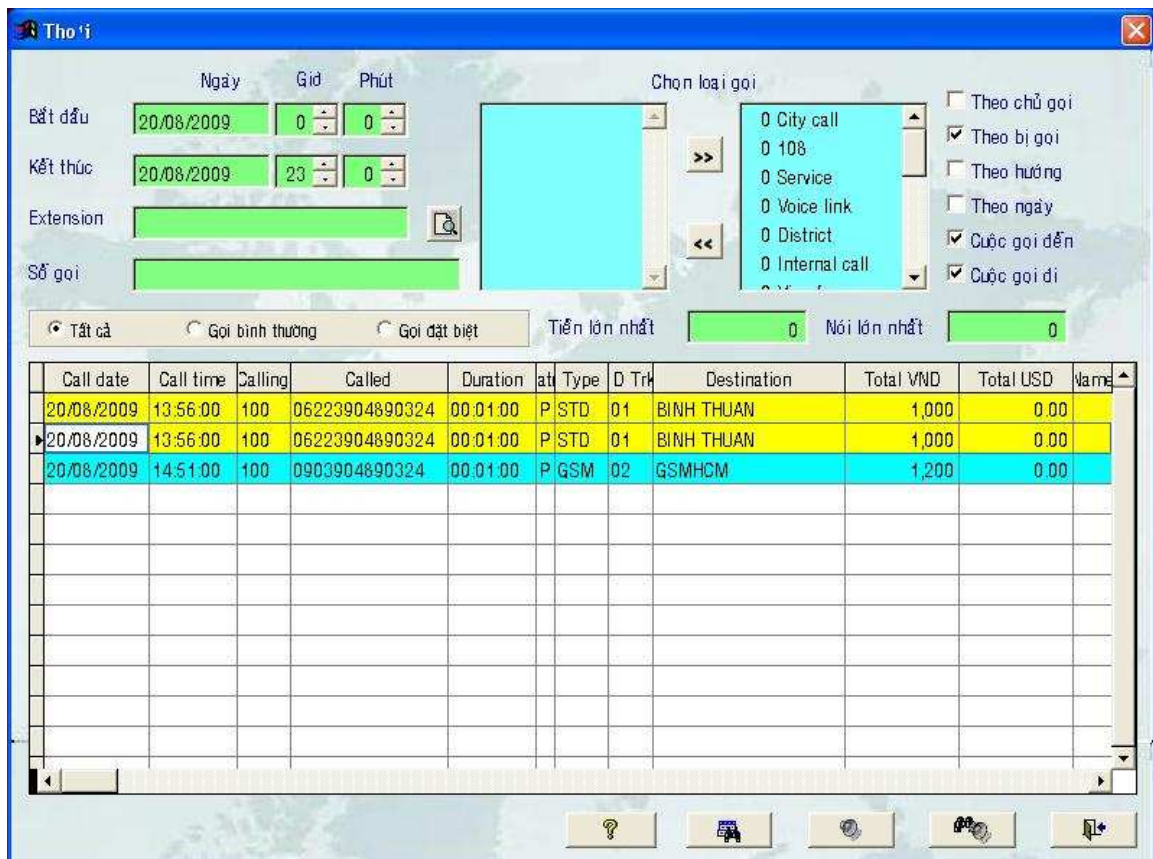
1. Nếu cuộc gọi chưa xác định file âm thanh nào, chương trình sẽ tìm kiếm trong danh sách file ghi âm các file phù hợp nhất với cuộc gọi này (port tương ứng, ngày giờ gọi, số chủ gọi hay bị gọi) và hiện ra danh sách để chúng ta chọn.
2. Khi chọn nghe từng file này, nếu file nào đúng thì ta sẽ chọn file này để lưu số liệu.




3. Nếu cuộc gọi đã xác định file ghi âm đúng (qua cách thực hiện trên), chương trình sẽ mở file ghi âm này và phát.


3. Nghe ghi âm cuộc gọi sau khi tìm kiếm cuộc gọi:

Vào mục Điện thoại -> Ghép file ghi âm và cuộc gọi.




Vào các thông tin để tìm kiếm các cuộc gọi cần nghe âm thanh và nhấn nút  để thực hiện. Nếu có số liệu thì các cuộc gọi sẽ được liệt kê ra.

Chọn cuộc gọi cần nghe âm thanh và nhấn nút:

 để nghe âm thanh:

- Nếu cuộc gọi đã xác định file ghi âm thì phát âm file này.
- Nếu cuộc gọi chưa xác định file ghi âm thì chương trình sẽ tìm kiếm trong danh sách file ghi âm các file phù hợp nhất với cuộc gọi này (port tương ứng, ngày giờ gọi, số chủ gọi hay bị gọi) và hiện ra danh sách để chúng ta chọn.

 để tìm kiếm trong danh sách file ghi âm các file phù hợp nhất với cuộc gọi này. Mặc dù cuộc gọi đã xác định file ghi âm nhưng chương trình vẫn thực hiện tìm kiếm trong danh sách file ghi âm các file phù hợp nhất với cuộc gọi để thay thế file đã tồn tại. Điều này cần thiết vì có thể lúc chọn file ghi âm lúc trước chúng ta đã bị sai.

18. Registry chương trình:

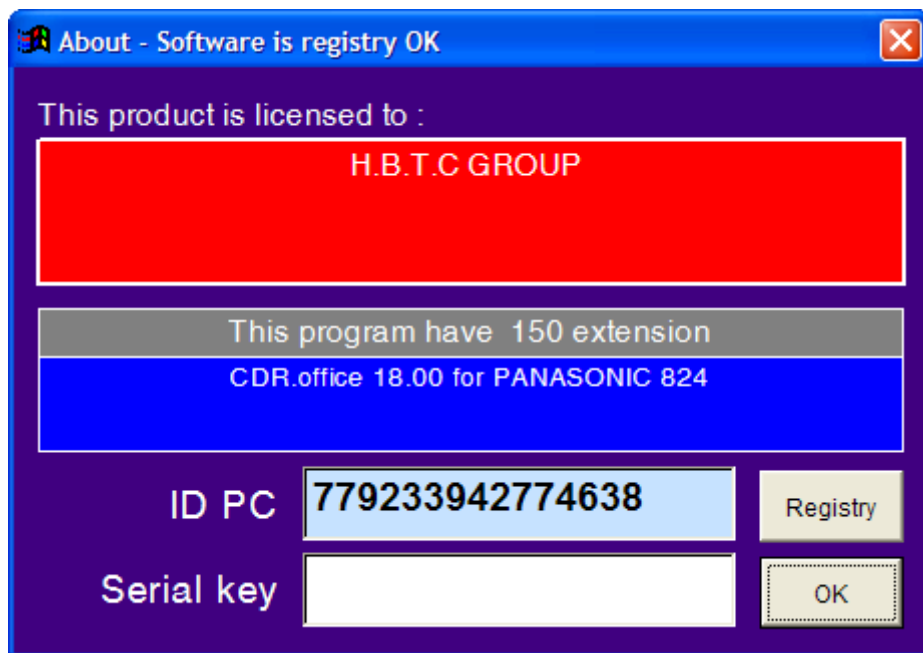
Chương trình có 3 key

18.1. Key demo:

Vào menu Help->About software và nhập key demo trong file serial.txt sau đó nhấn nút registry. Chương trình sẽ hỏi số ngày chạy demo.

18.2. Key chính thức cho bất kỳ PC nào:

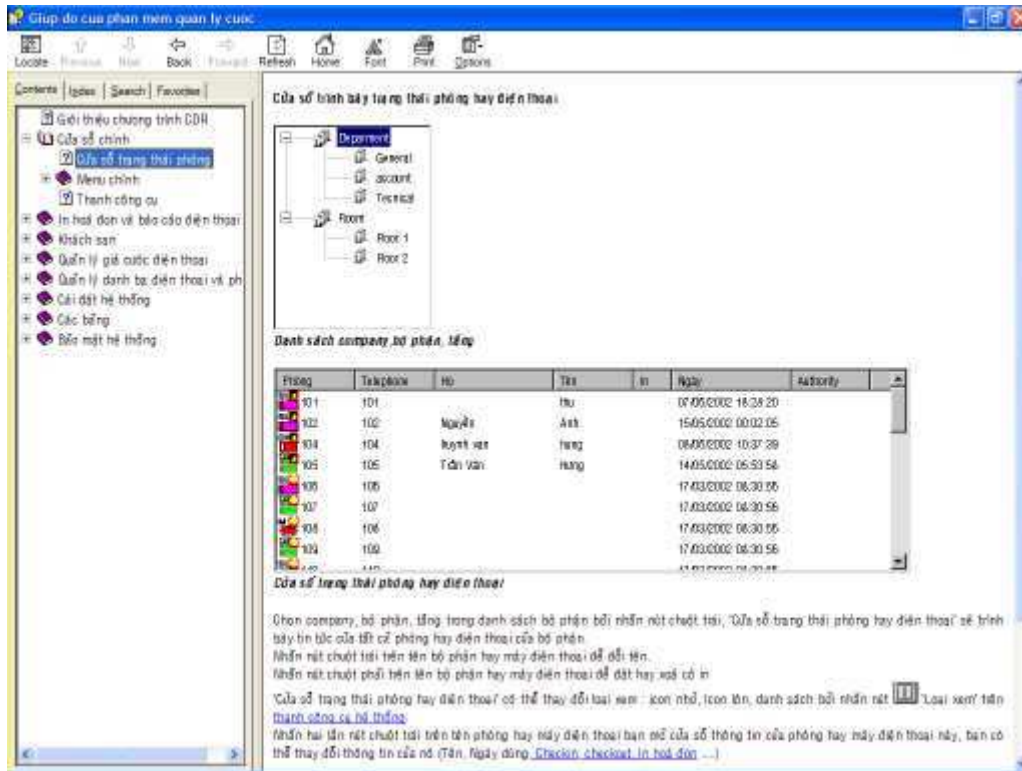
Vào menu Help->About software, nhập key và nhấn nút registry

**18.3. Key chính thức cho 1 PC:**

Gửi mã số ID PC cho nhà cung cấp, sẽ được cấp 1 key chạy chính thức cho máy PC được cài.

19. Giúp đỡ:

Chương trình được thiết kế giúp đỡ động, ở bất kỳ cửa sổ nào khi nhấn nút giúp đỡ, hệ thống sẽ thể hiện màn hình giúp đỡ cho cửa sổ đó.

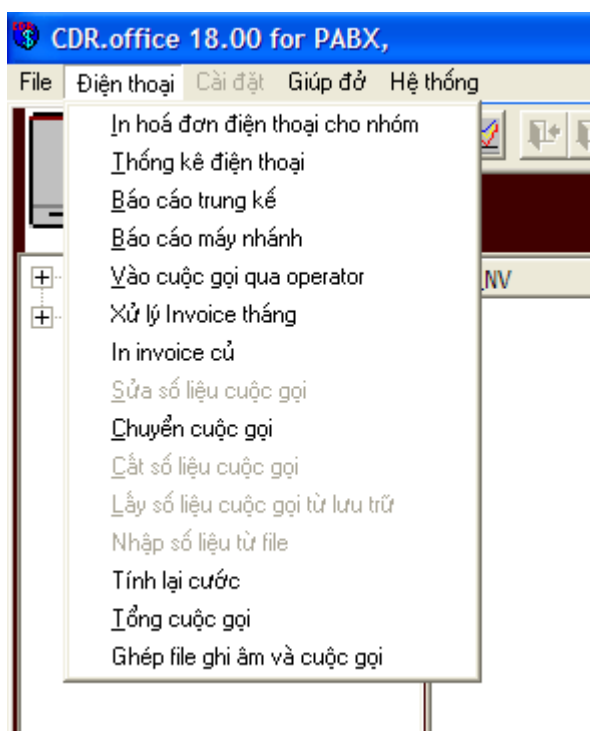


20. Bảo mật:

20.1. Logon hệ thống:

Hệ thống có chức năng phân quyền theo 4 mức, khi truy cập phải nhập mã người dùng và password. Tùy theo mức được cấp mà có thể truy cập chức năng menu nào.

Ví dụ khi logon với người dùng là OPERATER thì menu sẽ bị khoá một số chức năng:



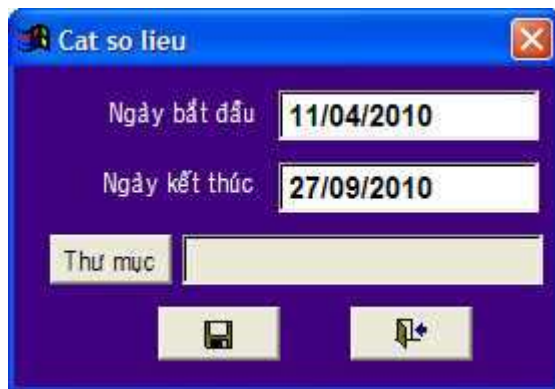
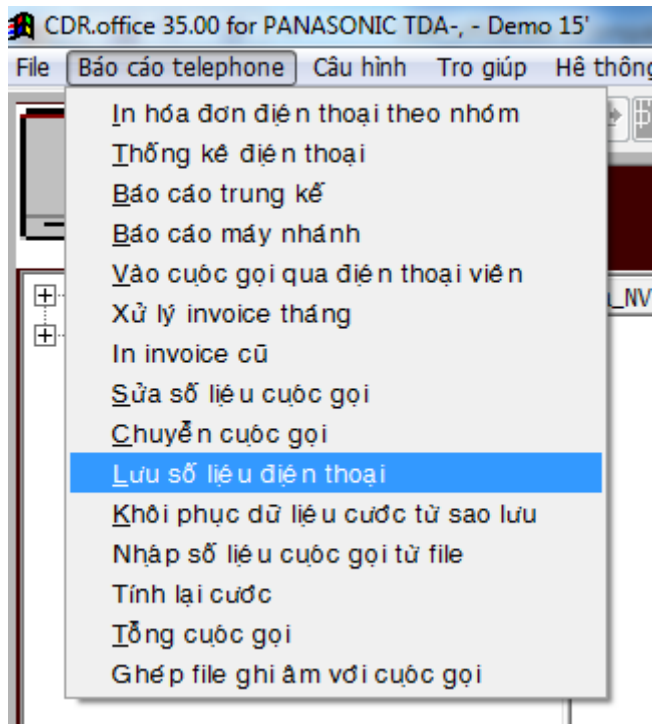
20.2. Tạo người dùng mới:

Quyền ADMIN sẽ được phép tạo người dùng mới và mục mới

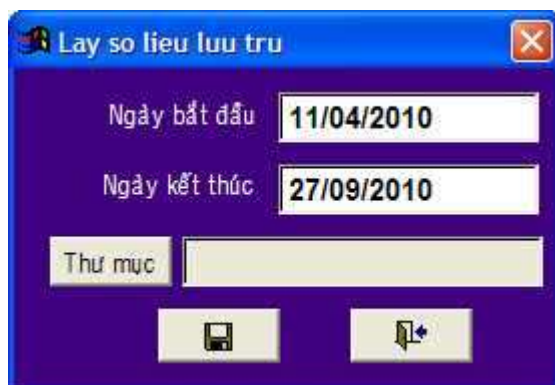


21. Lưu trữ dữ liệu cước:

21.1. Backup dữ liệu:



21.2. Load dữ liệu backup:



22. Các chức năng PMS: (Sử dụng cho các loại tổng đài có chức năng PMS):**22.1. Chức năng:**

- Checkin : Sau khi làm thủ tục checkin tại máy tính tiếp tân thì tên, họ, ngôn ngữ, mức giới hạn gọi ra sẽ được máy PMS lấy thông tin trên server gửi vào tổng đài . Máy của phòng sẽ được mở cho phép gọi và tên khách sẽ được hiện trên console khi gọi hay nhận cuộc gọi từ máy phòng đó.
- Checkout : Sau khi làm thủ tục checkout tại máy tính tiếp tân, máy PMS lấy thông tin trên server gửi vào tổng đài . Máy của phòng sẽ được khoá lại, và xóa tên khách khỏi máy.
- Giới hạn mức gọi ra : từ máy mạng có thể cho phép máy trên phòng được gọi hay cấm gọi quốc tế, đường dài, thành phố v.v..
- Trạng thái phòng : khi có thay đổi trạng thái phòng từ máy điện thoại trên phòng, console thì thông tin đó sẽ được tổng đài gửi tới hệ thống PMS để ghi thông tin lên mạng. Code status: 0: Cleaned, 1: Dirty, 2:Occup clean, 3: Occup dirty, 4: Repair
- Báo thức : từ máy tính mạng có thể đặt giờ báo thức cho khách. (Tổng đài Avaya không có chức năng báo thức qua PMS)
- Mini bar : từ máy trên phòng trực buồng có thể bấm mã để gửi thông tin về mạng các thức uống khách đã dùng.

22.2. Giao thức giữa chương trình font office và PMS & CDR:

Giao thức giữa hai bên sẽ được dùng là các file DBF, Access, SQL hoặc TXT :

- File PMS server send : các thông tin từ mạng muốn gửi cho tổng đài như checkin, checkout, báo thức, barin v.v...
- File PMS server : các thông tin từ tổng đài muốn gửi cho mạng như trạng thái phòng, mini bar.
- File CDR : các số liệu cước cuộc gọi.
- File WAKEUPSV: log các biến cố wakeup

PMSSEND.DBF

Lệnh	Tel	Cd_lenh	Para1	Para2	Para3
Check in		IN	Name	Langues	
Checkout		OU	Name		
Add name		AN	Name		
Unbar, Bar		UB	0 unbar, 1 bar		
Message waitting		MW	1:on, 0:off		
Wakeup set		WU	YYMMDDHHMM		

Wakeup cancel		WC			
Room status		RS	Code status		

PMSSV.DBF

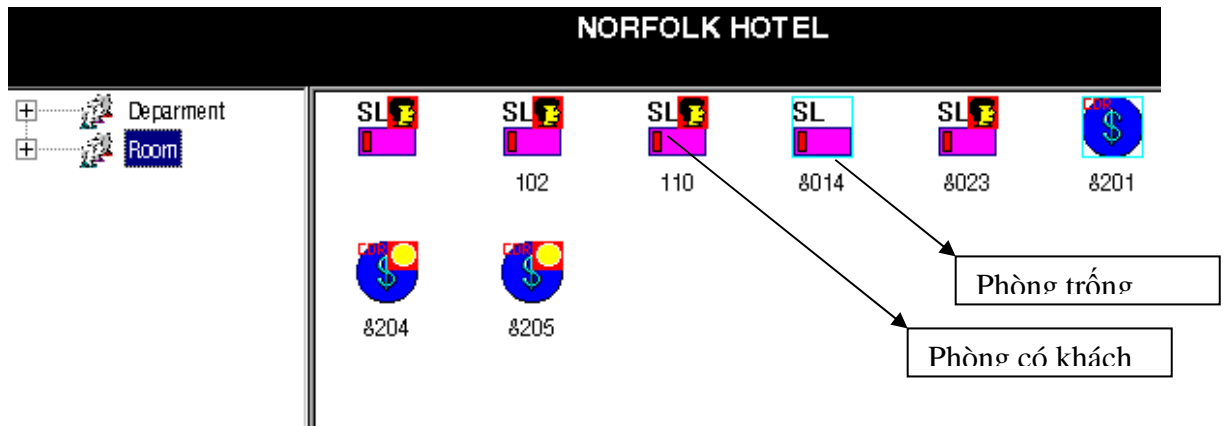
Lệnh	Room	Status	Ghi chú		
Room status		RS	Code status		
Mini bar		MB	Thông tin		

WAKEUPSV.DBF

Tel	WC_DT	WC_TIME	Status		

22.3. Thao tác trên chương trình PMS_CDR các chức năng PMS:

Trên màn hình chính sẽ hiện trạng thái từng extension



Nhấp đúp chuột trên biểu tượng phòng sẽ vào cửa sổ checkin hay checkout.


Khách đi : 1001

Thông tin chính	Thông tin phụ	Thông tin nhóm
Tên	hung	Họ : huynh
Địa chỉ		
Công ty		
Từ ngày	13/11/2006 03:44:49	Tới : 13/11/2006 22:10:00
Trả tiền	VND	Kỳ quỹ : 0.00 V Tỷ giá : 16,000.00
Số giờ ở	0	Giá phòng : 70,000.00 Single : 77,000 Vnd

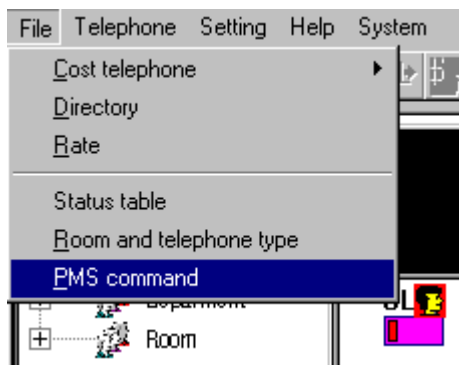
Loại hoá đơn : Chi tiết

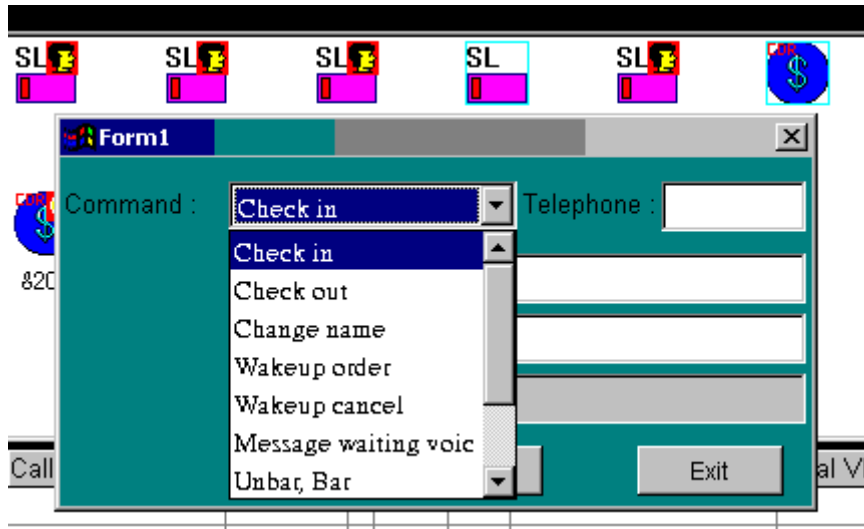
In chi tiết tiền phòng

In chi tiết điện thoại

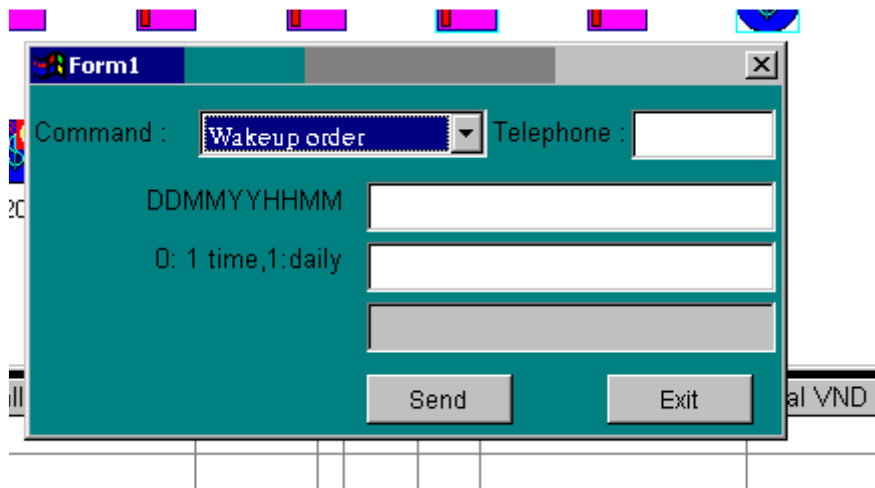


Các chức năng khác thì sẽ vào menu PMS command:



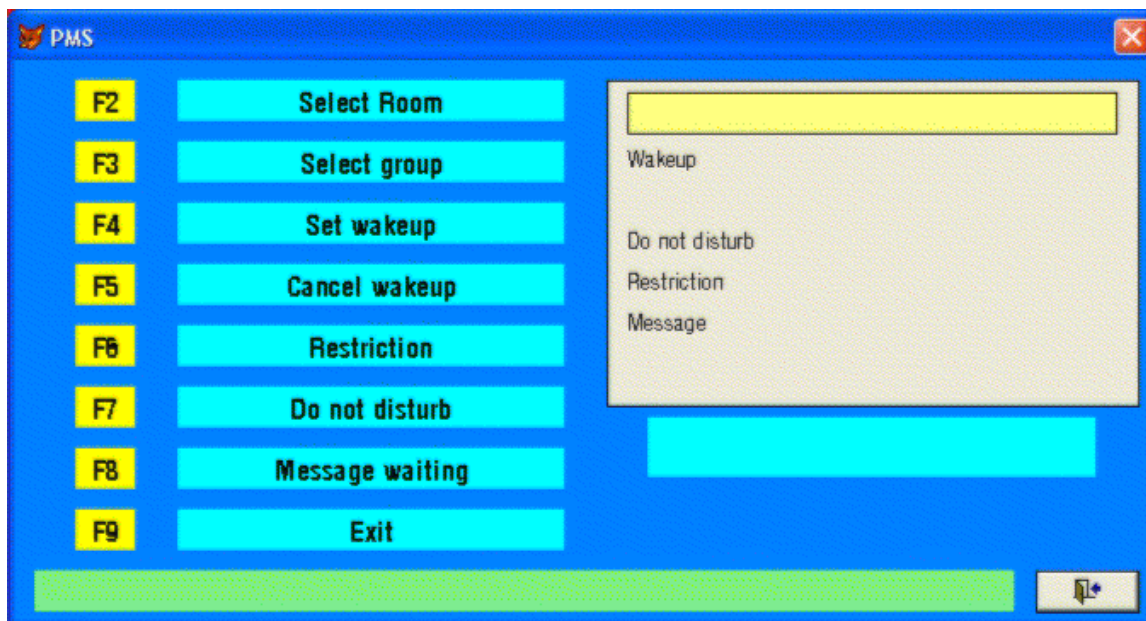


Chọn chức năng và vào thông số tương ứng



và gọi cho tổng đài.

Cử a số set các yêu cầu cho phòng:



22.4. Xem Logfile báo thức:

Telephone	Date	Time	Status	Check	Time send
308	05/09/2012	14:05	Answer	T	05091406
309	05/09/2012	14:05	Answer	T	05091406
305	05/09/2012	14:05	Answer	T	05091406
303	05/09/2012	14:07	PMS Set	T	05091407
310	05/09/2012	14:07	PMS Set	T	05091407
310	05/09/2012	14:07	Set	T	05091407
318	05/09/2012	14:07	PMS Set	T	05091407
318	05/09/2012	14:07	Set	T	05091407
332	05/09/2012	13:12	PMS Set	T	05091407
332	05/09/2012	13:12	Set	T	05091407
318	05/09/2012	14:07	Answer	T	05091408
310	05/09/2012	14:07	No Answer	T	05091408
201	05/09/2012	14:10	PMS Set	T	05091426
201	05/09/2012	14:10	Set	T	05091426

23. Các chức năng khách sạn:

23.1. **Check in khách** : Trên menu chọn mục “Khách sạn” và chọn mục “Check in”

Khách vào : 8102

Thông tin chính Thông tin phụ Thông tin nhóm

Tên : Họ :

Địa chỉ :

Công ty :

Từ ngày : 29/03/2010 21:18:56 Đến : / /

Trả tiền : VND Kỳ quỹ : 0.00 Tỷ giá : 15,030.00

Số giờ ở : 0 Giá phòng : 70,000.00 Single : 77,000 Vnd

Phiếu	Ngày	Mã	Nội dung	S.L	Giá	VAT	Phí DV	Tổng
	/ /					0	0	0

Nhập số liệu khách đến và dịch vụ

Nhấn vào mục phòng sẽ có danh sách các phòng còn trống để nhập khách vào. Phòng sẽ chuyển sang trạng thái có khách, hoá đơn điện thoại sẽ tự động ghi vào cho khách khi khách gọi.

Có chức năng chuyển phòng lẫn nhau hay đổi phòng: các chi phí, dịch vụ, tiền phòng sẽ được chuyển theo khách qua phòng mới mà không phải nhập lại.

23.2. Vào các chi phí khác cho khách ở : Trên menu chọn mục “Khách sạn” và chọn mục “Input bill”

Số HĐ	Phòng	Ngày	Nội dung	Loại	Tiền	Usd	Vnd	SL
5GSM	1001	06/11/2006	00:02:00 MOBIE VUNG 2 09037	TELEPH V		0.26	4099.00	1.00
ROOM/1	1						0.00	1.00

Vao hoa đơn cho phòng 1001

Phòng: 1001 Ngày: 06/11/2006 01:00:00

Loại dịch vụ: TELEPH Telephone call

Đơn vị: TAX: 0%, VAT: 10%

Số lượng: 1.00 Bill number: 5GSM

Giá: 3,726 Trả tiền: VND

Nội dung: 00:02:00 MOBIE VUNG 2 0903732007

Tổng: 3,726

Phòng 1001. Khách : hung huyh *** Trả tiền :V

Nhấn mục phòng sẽ có danh sách các phòng còn khách đang ở chọn phòng khách đang ở, màn hình sẽ hiện tất cả các hoá đơn của khách đang ở.
Nhấn nút “Thêm” để thêm hoá đơn phát sinh cho các loại dịch vụ
Nhấn nút “Sửa” để sửa hoá đơn đã vào cho các loại dịch vụ

23.3. **Check out khách :**

Kiểm tra hoá đơn và in hoá đơn cho khách đi.

Nhấn vào mục phòng sẽ có danh sách các phòng còn khách đang ở chọn khách đi.

Nút kiểm Hoá đơn : chỉ xem hoá đơn của khách nhưng khách chưa đi

Nút khách đi : In hoá đơn của khách đi và lưu số liệu, chuyển phòng sang trạng thái trống

Khách đi : 1001

Thông tin chính Thông tin phụ Thông tin nhóm

Tên: Họ:

Địa chỉ:

Công ty:

Từ ngày: Đến:

Trả tiền: Kỳ quỹ: Tỷ giá:

Số giờ ở: Giá phòng: Single:

Loại hoá đơn: In chi tiết tiền phòng

In chi tiết điện thoại



CDR_HOTEL DEMO
Mã số thực: 370014497b-1

Đơn vị: vinyui
Họ và tên: hieajkt. s
Passport: 101 CVND/Passport: E798789C
Ngày đến: 29/05/2001 11:03 AM
Ngày đi: / / : AM

HOÁ ĐƠN KHÁCH SẠN

Ngày	FAX PHÒNG	TEL/TELEX	KARAOKE, U TING (CB)AN	GIAY HI, XUNG BOI, MY					VAT	Tổng
29/05/2001	300.000								27.279	300.000
29/05/2001	100.000								9.091	100.000
30/05/2001	100.000								9.091	100.000
31/05/2001	100.000								9.091	100.000
01/06/2001	100.000								9.091	100.000
03/06/2001				100.000				110.000	19.091	210.000
Tổng cộng	700.000			100.000				110.000	82.728	910.000



CALL DETAIL ACCOUNTING

Hoá đơn khách

Tên : Hung **Từ** : 02/07/2002 **Giờ** : 06:27:47
Công ty : **Tới** : 02/07/2002 **Giờ** : 06:31:01
Địa chỉ : **Số hoá đơn** : 0 02/07/2002 06:31:01
Phòng : 101

Room	Số lượng		
Room	1		70,000
Coca lon	1		10,500
Sơ mi	1		5,500

Thu ngân **Tổng** : 86,000
10% VAT : 8,600
Tổng cộng : 94,600



CALL DETAIL ACCOUNTING

Hoá đơn khách

Tên : Anh Nguyễn **Từ** : 02/07/2002 **Giờ** : 06:27:47
Công ty : **Tới** : 02/07/2002 **Giờ** : 06:31:01
Địa chỉ : **Số hoá đơn** : 1 02/07/2002 06:31:01
Phòng : 102

Room	Số lượng		
Room	1		70,000

Thu ngân **Tổng** : 70,000
10% VAT : 7,000
Tổng cộng : 77,000

Tổng cộng nhóm Tourist	Tổng :	156,000
Trưởng nhóm Hưng	10% VAT :	15,600
Từ : 02/07/2002 06:26:28 Tới : 02/07/2002 06:31:01	Tổng cộng :	171,600

Print Preview 100%

Hoá đơn khách nhóm

Nhóm : Tourist **Từ** : 02/07/2002 **Giờ** : 06:26:28
Trưởng nhóm : Hung **Tới** : 02/07/2002 **Giờ** : 06:28:46
Số hoá đơn : 0 02/07/2002 06:28:46 **Trang** : 1

1. Tên : Hung		Từ : 02/07/2002	Giờ : 05:42:09
Phòng : 101		Tới : 02/07/2002	Giờ : 05:50:57
Số hoá đơn : 0			
Room	Số lượng	Giá	Tổng cộng
	1		70,000
Coca lon	Số lượng	Giá	Tổng cộng
	1		10,500
Semi	Số lượng	Giá	Tổng cộng
	1		5,500
			Tổng cộng
			86,000
2. Tên : Anh Nguyễn		Từ : 02/07/2002	Giờ : 06:27:47
Phòng : 102		Tới : 02/07/2002	Giờ : 06:28:46
Số hoá đơn : 1			
Room	Số lượng	Giá	Tổng cộng
	1		70,000
			Tổng cộng
			70,000
Tổng cộng nhóm		Tổng :	156,000
		10% VAT :	15,600
		Tổng cộng :	171,600
		Thu ngân	

Print Preview 100%

BÁO CÁO THÁNG

Từ : 01/06/2002 **Giờ** : 00:00:00
Tới : 08/06/2002 **Giờ** : 12:05:11 **Trang** : 1

Ngày	Nội dung	Số lượng	TAX	VAT	USD	VND
07/06/2002	Room : 07/06/2002	1.00		7,000		77,000
07/06/2002	Room : 07/06/2002	1.00		7,000		77,000
Room		2.00				154,000
Ngày	Nội dung	Số lượng	TAX	VAT	USD	VND
07/06/2002	00:01:00 0903732008 MOBIFONE	1.00		200		2,200
Telephone call		1.00				2,200
Ngày	Nội dung	Số lượng	TAX	VAT	USD	VND
18/05/2002	Coca lon	1.00	752	1,578		17,360
Coca lon		1.00				17,360
TAX USD						173,560
TAX VND		752				
VAT USD						173,560
VAT VND		15,778				
					VND :	173,560